ABS
TRỌN VẸN TRẢI NGHIỆM ĐẦU TƯ

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THÁNG 5/2026

TRIỂN VỌNG HÒA BÌNH TRUNG ĐÔNG HỖ TRỢ THỊ TRƯỜNG

ABS Research – 08/05/2026

DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG THÁNG 5/2026

Chúng tôi đề xuất 2 kịch bản của VN-Index trong tháng 5/2026 như sau:

➢ **Kịch bản 1:**

Thị trường đang có diễn biến phát triển theo Kịch bản 2 trong Báo cáo chiến lược tháng 4/2026 của chúng tôi. Chúng tôi kỳ vọng chỉ số VN-Index sớm vượt qua đỉnh cũ 1920 điểm, tích lũy trên vùng đỉnh với dòng tiền lan tỏa và thanh khoản gia tăng, củng cố đà tăng hướng tới mục tiêu gần nhất ở quanh vùng Kháng cự 2 (2084 - 2145 điểm).

➢ **Kịch bản 2:**

Trong trường hợp xung đột tại Trung Đông tiếp tục kéo dài gây tác động tiêu cực đến triển vọng kinh tế thế giới, thị trường có thể quay lại kiểm định hỗ trợ 1750-1800 điểm. Có thể coi đây là vùng đánh giá sức mạnh tăng của xu hướng và nhịp điều chỉnh là nhịp rũ bỏ trong xu hướng tăng.

➢ **Khuyến nghị:**

Thị trường đang vận động theo diễn biến Kịch bản 2 của Báo cáo chiến lược tháng 4/2026, khi vượt qua 1750-1780 điểm. ABS Research đã chủ động khuyến nghị giải ngân vị thế trung hạn ở tuần cuối tháng 3/2026 và trong cả tháng 4/2026.

Yếu tố rủi ro đối với cổ phiếu giảm đi đáng kể, khá an toàn cho việc tiếp tục gia tăng vị thế nắm giữ trung hạn khi thị trường chung còn đang nghi ngờ xu hướng tăng. Nhà đầu đã giải ngân vị thế theo báo cáo tháng 3,4 hoàn toàn có thể nắm giữ hoặc gia tăng cổ phiếu phù hợp đối với mục tiêu phù hợp.

Đối với nhà đầu tư giao dịch ngắn hạn, có thể tăng tần suất giao dịch dựa trên mốc hỗ trợ - kháng cự sẵn có của cổ phiếu. Ưu tiên giao dịch đối với cổ phiếu hình thành đáy sau nâng dần trên khung ngắn hạn.

Các doanh nghiệp có triển vọng KQKD tích cực, cơ cấu tài chính lành mạnh, cổ tức cao, định giá hợp lý và các cổ phiếu có triển vọng được dòng vốn ngoại mua vào khi thị trường được nâng hạng... là các cổ phiếu đáng chú ý.

Danh mục cổ phiếu khuyến nghị của ABS Research trong tháng 5/2026 được trình bày ở phần sau của báo cáo này tại đây.

ABS
TRỌN VẸN TRẢI NGHIỆM ĐẦU TƯ

MỤC LỤC

TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI 04

TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM 09

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 17

NHẬN ĐỊNH & KHUYẾN NGHỊ 25

Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest

Trải nghiệm ngay bảng giá
ABS Web Trading

ABS
TRỌN VẸN TRẢI NGHIỆM ĐẦU TƯ

TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI

Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest

Trải nghiệm ngay bảng giá
ABS Web Trading

Mỹ: Lạm phát gia tăng do chi phí đẩy

PMI tiếp tục mở rộng nhưng chưa hoàn toàn phản ánh dấu hiệu lạc quan

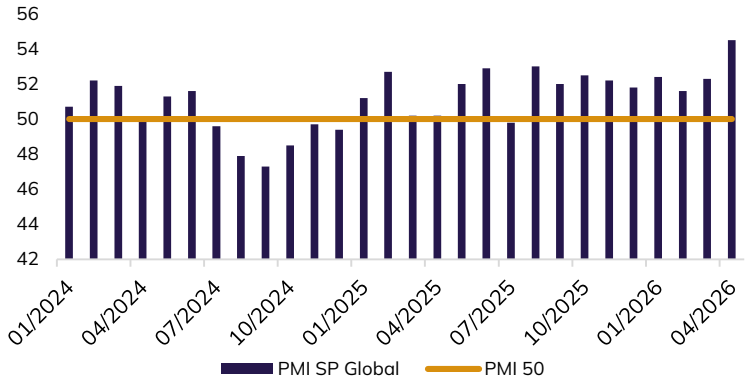

Nguồn: Investing, ABS Research

- PMI sản xuất Hoa Kỳ do SP Global công bố tăng mạnh đạt 54,5; ghi nhận mức mở rộng mạnh nhất kể từ tháng 05/2022.
- Nhìn chung, chỉ số tăng nhờ Hoạt động mua hàng và Tích trữ hàng tồn kho lên mức cao nhất trong vòng 4 năm, phản ánh xu hướng tích trữ nguyên vật liệu trước rủi ro đứt gãy nguồn cung do chiến tranh Trung Đông và áp lực thuế quan. Hệ quả là sản lượng tăng tốc, tuy nhiên chủ yếu để phục vụ nhu cầu dự phòng nội địa, trong khi xuất khẩu sụt giảm tháng thứ 11 liên tiếp. Bên cạnh đó, chỉ số việc làm giảm lần đầu sau 9 tháng cho thấy doanh nghiệp bắt đầu thận trọng hơn trong tuyển dụng khi chi phí đầu vào gia tăng, dù tồn kho hàng hóa và nguyên vật liệu đã ghi nhận tăng trở lại.

Lạm phát do chi phí đẩy

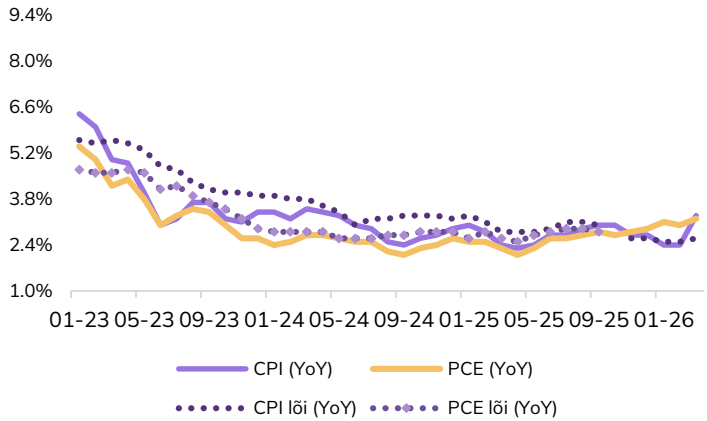

Nguồn: Investing, ABS Research

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Hoa Kỳ trong tháng 3 tăng 3,3% svck, do xung đột với Iran đẩy chi phí năng lượng tăng vọt. Chỉ số CPI lõi tăng ổn định 2,6% svck, cho thấy lạm phát vẫn phần nào được kiểm soát.
- Chỉ số PCE của Mỹ tăng 3,5% svck và 0,7% MoM trong tháng 3/2026, trong khi PCE lõi tăng 3,2% svck và 0,3% MoM, phản ánh tác động của thuế quan lên giá cả hàng hóa tiêu dùng. Sức cầu tiêu dùng có dấu hiệu suy yếu khi chi tiêu cá nhân chỉ tăng 1,6% và chi tiêu hàng hóa giảm 0,1%.
- FED trong kỳ họp FOMC gần nhất đã quyết định giữ nguyên lãi suất điều hành, phản ánh quan điểm thận trọng khi lạm phát vẫn duy trì trên mục tiêu trong khi các tín hiệu tăng trưởng và tiêu dùng có dấu hiệu suy yếu.

Tăng trưởng việc làm hồi phục đáng kinh ngạc

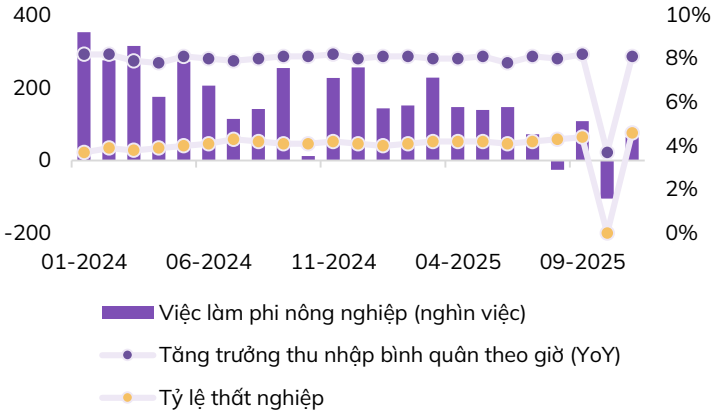

Nguồn: Investing, ABS Research

- Nền kinh tế Mỹ đã có thêm 178.000 nghìn việc làm trong tháng 3/2026, sau khi sụt giảm xuống 133.000 trong tháng 2 và cao hơn nhiều so với mức dự báo 60.000 của thị trường. Đà tăng trưởng tiếp tục tập trung vào lĩnh vực y tế, với 76.000 việc làm mới. Đứng thứ 2 là lĩnh vực xây dựng với 26.000 việc làm được tạo ra, trong khi vận tải và kho bãi bãi 21.000. Ở chiều ngược lại, khu vực Chính phủ liên bang giảm 18.000 việc làm, còn lĩnh vực tài chính giảm 15.000.
- Tỷ lệ thất nghiệp giảm nhẹ xuống 4,3%, chủ yếu do lực lượng lao động sụt giảm mạnh, giảm 396.000 người.
- Thu nhập trung bình theo giờ yếu hơn kỳ vọng với mức tăng 0,2% sv tháng trước và 3,5% sv năm trước, thấp hơn dự báo lần lượt ở mức 0,3% và 3,7%.

Lợi suất Trái phiếu Kho bạc và DXY điều chỉnh giảm ngắn hạn

DXY có nhịp suy yếu ngắn hạn

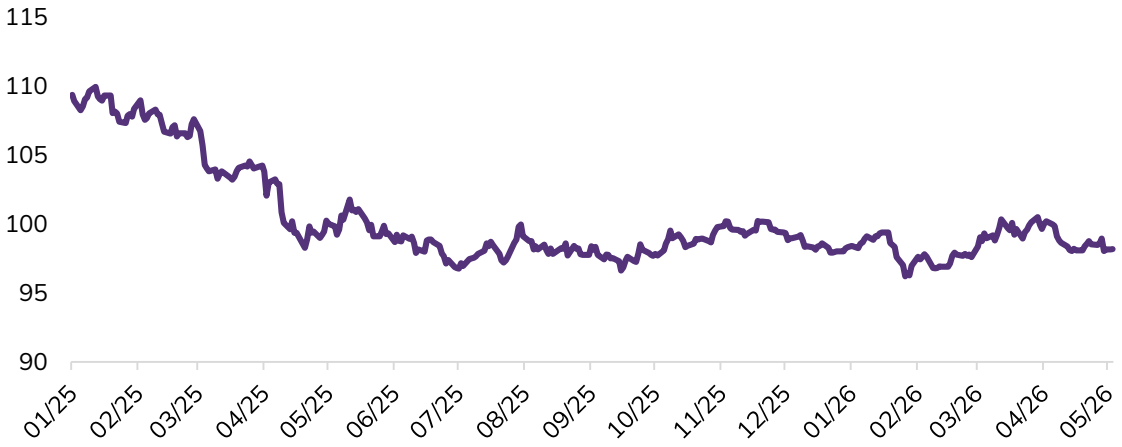

Nguồn: Investing, ABS Research

- So với tháng 3, DXY suy yếu khi có lệnh ngừng bắn với Iran trước khi tăng nhẹ trở lại sau quyết định duy trì lãi suất tại cuộc họp của Fed cuối tháng 4.
- Tại FOMC tháng 4/2026, Fed giữ nguyên lãi suất 3,75% do: i) lạm phát gia tăng do giá năng lượng, ii) rủi ro kinh tế Mỹ tăng trưởng chậm lại gia tăng. Cơ quan này duy trì lập trường thận trọng, chưa sẵn sàng nới lỏng khi áp lực giá còn cao và thị trường lao động vẫn ổn định. Sau cuộc họp, kỳ vọng thị trường theo CME FedWatch đã điều chỉnh theo hướng thận trọng hơn, với kỳ vọng xác suất Fed giữ nguyên lãi suất trong các cuộc họp tới gần như tuyệt đối, trong khi kỳ vọng cắt giảm trong ngắn hạn bị loại bỏ và dịch chuyển về cuối năm.
- Nhìn chung, diễn biến của DXY trong ngắn hạn sẽ phụ thuộc đáng kể vào tình hình chiến sự tại Trung Đông. Trong bối cảnh rủi ro địa chính trị vẫn ở mức cao và chưa có đột phá trong đàm phán, đồng USD có xu hướng duy trì trạng thái giằng co, khó hình thành xu hướng giảm mạnh.

Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm giảm MoM

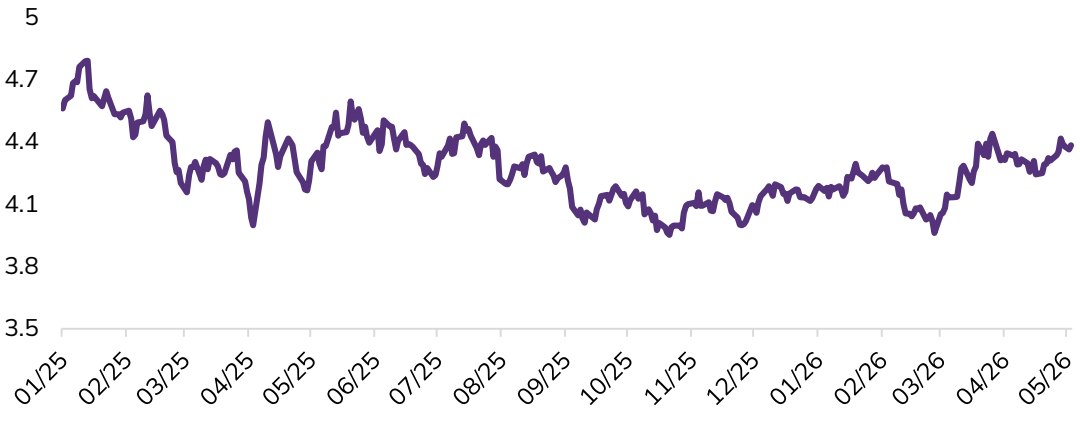

Nguồn: Investing, ABS Research

- Trong tháng 4/2026 lợi suất trái phiếu Mỹ 10 năm nhìn chung giảm xuống quanh vùng 4,3%, khi giá năng lượng hạ nhiệt giúp giảm bớt lo ngại lạm phát dù căng thẳng Trung Đông vẫn gián đoạn nguồn cung. Tuy nhiên, lợi suất quay đầu tăng trở lại lên khoảng 4,44% vào đầu tháng 5 khi thị trường kỳ vọng lạm phát duy trì và Fed tiếp tục giữ lập trường thận trọng.
- Tại ngày 01/05/2026, tổng nợ công của Mỹ tiệm cận mức 32 nghìn tỷ USD, bằng hơn 100% GDP, cho thấy xu hướng thâm hụt ngân sách kéo dài chưa có dấu hiệu cải thiện, đặc biệt khi có thêm chiến sự Iran vẫn đang kéo dài. Ở góc độ thị trường, nhu cầu phát hành trái phiếu lớn để tài trợ thâm hụt có thể duy trì áp lực lên phần bù rủi ro, qua đó giữ mặt bằng lợi suất ở mức cao trong trung hạn.
- Theo đó, chúng tôi cho rằng, lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 10 năm được dự báo có xu hướng neo cao trong thời gian tới trong bối cảnh áp lực lạm phát duy trì và kỳ vọng chính sách tiền tệ tiếp tục thận trọng.

Trung Quốc: Đà phục hồi sản xuất duy trì nhưng thiếu bền vững

PPI gia tăng do áp lực chi phí

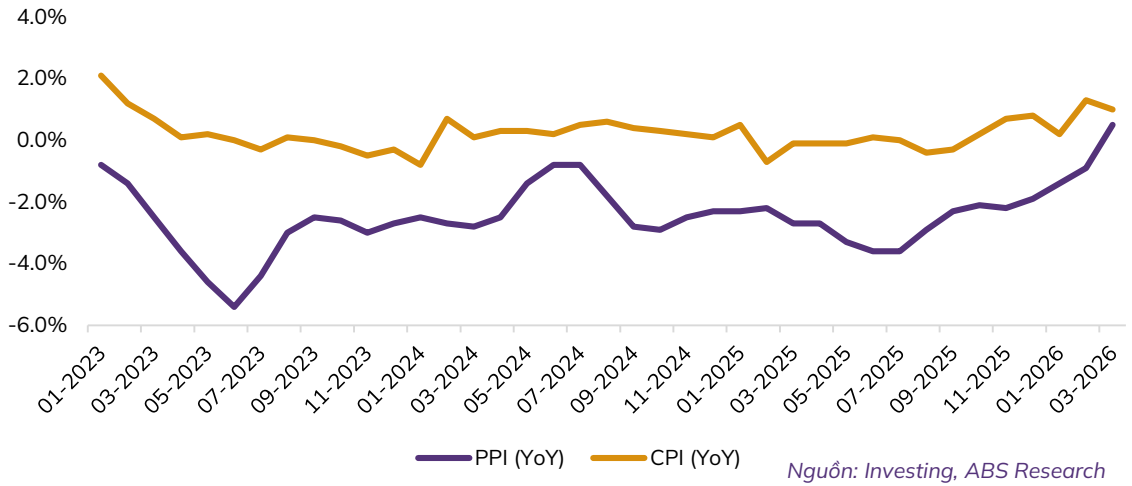

Nguồn: Investing, ABS Research

- Trong tháng 3/2026, đà tăng CPI của Trung Quốc suy giảm, chỉ còn tăng 1,0% svck, chủ yếu do hiệu ứng hạ nhiệt sau kỳ nghỉ Tết. CPI lõi, không bao gồm các mặt hàng dễ biến động như thực phẩm và năng lượng, tăng 1,1% svck trong tháng, trong đó chỉ số giá hàng hóa công nghiệp tăng đến 2,2% svck, góp 0,67 điểm % tăng trưởng CPI.
- Tuy nhiên, chỉ số giá sản xuất (PPI) tăng 0,5% svck, chấm dứt chuỗi giảm kéo dài 41 tháng kể từ tháng 10/2022. Trong đó, chỉ số giá tăng mạnh tại một số ngành tiêu biểu tiêu thụ nhiều năng lượng như khai khoáng (+2,0% svck); chế biến (+0,9% svck), trong khi đó, giá hàng tiêu dùng giảm 1,3%. PPI của Trung Quốc tăng trở lại chủ do: i) xung đột Trung Đông đẩy giá dầu tăng, khiến chi phí nhiên – nguyên liệu sản xuất leo thang và ii) nhu cầu quay trở lại tại một số ngành sản xuất nội địa.
- Lạm phát mang tính chi phí đẩy, phản ánh nhu cầu nội địa chưa hoàn toàn phục hồi. Trong bối cảnh đó, mục tiêu lạm phát khoảng 2% của Chính phủ Trung Quốc cho thấy dư địa chính sách vẫn còn linh hoạt, đặc biệt là các biện pháp hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và kích thích tiêu dùng.

Ngành sản xuất Trung Quốc tiếp tục xu hướng mở rộng

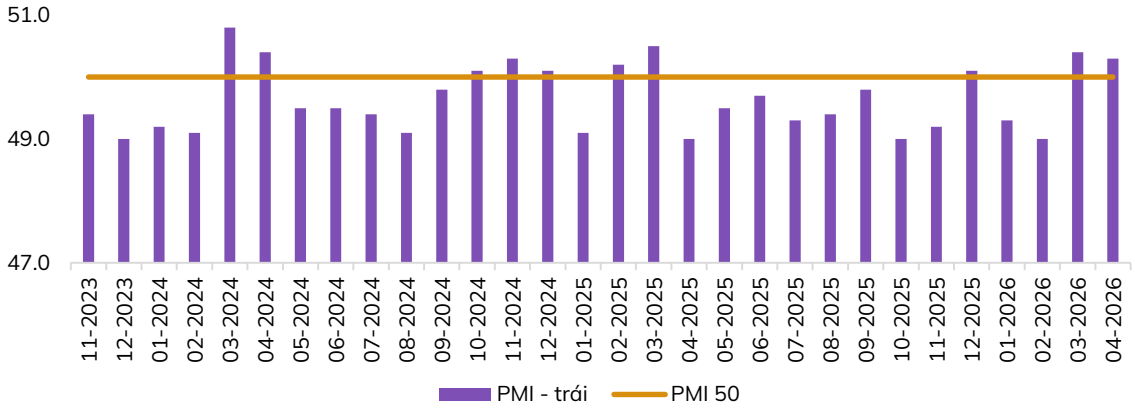

Nguồn: Investing, ABS Research

- Chỉ số PMI sản xuất của Trung Quốc do Tổng Cục thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS) công bố giảm nhẹ xuống 50,3 trong tháng 4/2026 từ mức 50,4 của tháng trước, nhưng vẫn duy trì trên ngưỡng 50. Đà cải thiện trong tháng 4 chủ yếu đến từ sản lượng và đơn hàng xuất khẩu tăng, nhờ doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất và tích trữ hàng hóa trước rủi ro chi phí đầu vào gia tăng liên quan đến căng thẳng Trung Đông. Giá đầu vào vẫn duy trì ở mức cao, trong khi chỉ số giá đầu ra suy giảm, cho thấy doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc chuyển chi phí sang giá bán. Chỉ số đơn hàng mới tổng thể giảm xuống 50,6 từ 51,6, với đà tăng trưởng hàng xuất khẩu chậm lại so với tháng 3. Quan trọng hơn, chỉ số tiêu dùng tiếp tục cho thấy trạng thái suy yếu và chỉ số thất nghiệp dâng cao.
- Chúng tôi cho rằng tăng trưởng hiện tại vẫn mang tính ngắn hạn và phụ thuộc vào nhu cầu bên ngoài, trong khi tiêu dùng nội địa phục hồi chậm. Trong trung hạn, sản xuất có thể tiếp tục được hỗ trợ bởi xuất khẩu và đầu tư, còn các rủi ro bên ngoài như gián đoạn năng lượng được đánh giá là hiện hữu nhưng vẫn trong tầm kiểm soát nhờ mức độ tự chủ năng lượng và dư địa chính sách của Trung Quốc.

Lạm phát tại Anh và Eurozone dâng cao

Lạm phát tiếp tục dai dẳng tại khu vực đồng Euro và Vương quốc Anh

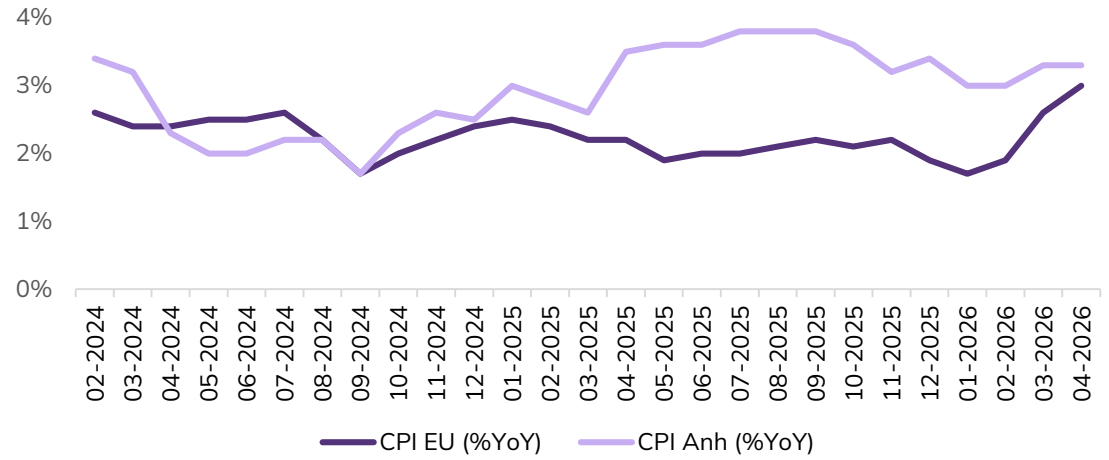

Nguồn: Investing, ABS Research

PMI – Động lực sản xuất cải thiện nhưng chưa bền vững

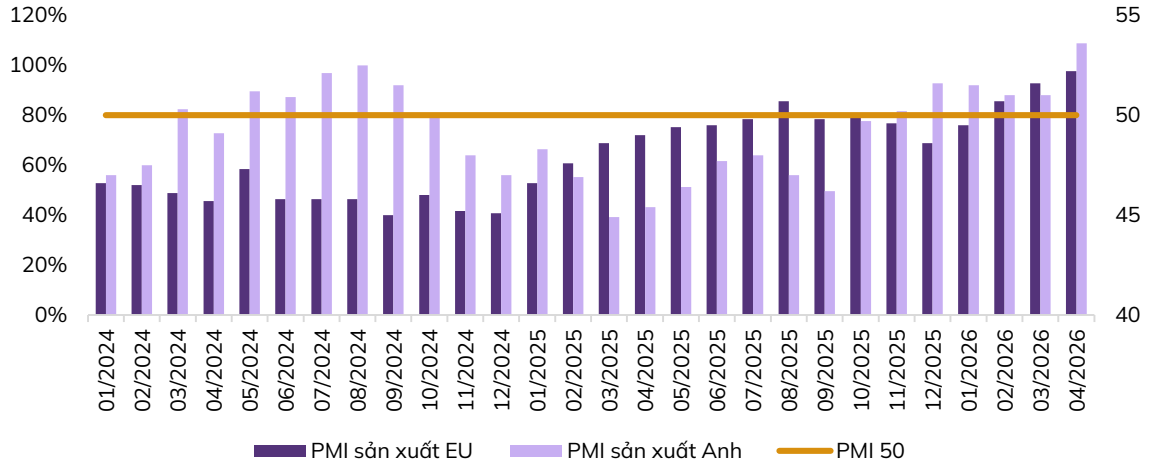

Nguồn: Investing, ABS Research

- **Khu vực đồng Euro**: Lạm phát tại khu vực đồng Euro được kỳ vọng tăng mạnh vượt kỳ vọng lên 3% (+40 bps MoM) theo ước tính nhanh của Eurostats, với động lực chính đến từ giá năng lượng tăng mạnh (+10,9%). Tuy nhiên, lạm phát lõi, không bao gồm năng lượng, kỳ vọng đi ngang so với tháng trước. Theo đó, trong cuộc họp tháng 4/2026, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã quyết định giữ nguyên lãi suất cơ bản ở mức 2% trong bối cảnh lạm phát tại Eurozone có dấu hiệu giảm nhưng rủi ro địa chính trị, đặc biệt là xung đột Trung Đông, gây áp lực lên giá năng lượng và tăng trưởng kinh tế
- **Vương quốc Anh:** Trong tháng 3, chỉ số CPI của Vương quốc Anh tăng vọt lên 3,3% YoY (+30 bps MoM). CPI trong tháng 4 được Ngân hàng Trung ương Anh (BOE) kỳ vọng ở mức cao do tác động lan tỏa từ giá năng lượng. Như dự báo của chúng tôi, trong cuộc họp cuối tháng 4, BOE tiếp tục giữ lãi suất ở mức 3,75% và duy trì lập trường thận trọng nhằm đưa lạm phát về mục tiêu. Theo BOE, lạm phát chưa giảm ngay mà sẽ còn duy trì ở mức cao, với CPI dự kiến quanh 3,1% trong Q2 trước khi tăng trở lại 3,3% trong Q3.

- **Khu vực đồng Euro:** Chỉ số PMI ngành sản xuất của khu vực châu Âu tăng lên mức 52,2 trong tháng 4/2026 từ mức 51,6 của tháng 3, vượt kỳ vọng 50,8. Đà tăng trưởng này một phần được thúc đẩy bởi hoạt động tích trữ hàng tồn kho nhằm phòng ngừa rủi ro gián đoạn nguồn cung, trong khi việc làm suy giảm và niềm tin kinh doanh giảm xuống mức thấp nhất trong 17 tháng.
- **Vương Quốc Anh**: PMI sản xuất của Vương quốc Anh tăng mạnh lên 53,6 trong tháng 4/2026, từ mức 51,0 của tháng 3, vượt xa kỳ vọng 49,9. Đây là mức mở rộng mạnh nhất kể từ tháng 5/2022. Sản lượng phục hồi, trong khi đơn hàng mới tăng nhẹ, với nhiều doanh nghiệp cho biết khách hàng đã đẩy nhanh đơn hàng và gia tăng tích trữ tồn kho nhằm phòng ngừa rủi ro giá tăng và gián đoạn nguồn cung. Niềm tin kinh doanh cũng giảm mạnh nhưng chưa chuyển sang tiêu cực hoàn toàn, với chỉ số theo khảo sát từ Lloyds giảm từ +55 xuống +44 - mức giảm mạnh nhất kể từ 2020, dù vẫn nằm trên mức trung bình dài hạn. Áp lực lạm phát và bất ổn toàn cầu, cùng tiêu dùng suy yếu đang làm triển vọng kém tích cực hơn.

ABS
TRỌN VẸN TRẢI NGHIỆM ĐẦU TƯ

TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM

Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest

Trải nghiệm ngay bảng giá
ABS Web Trading

Ngành sản xuất bị ảnh hưởng bởi xung đột Trung Đông

Ngành sản xuất sụt giảm dưới ảnh hưởng bất ổn địa chính trị

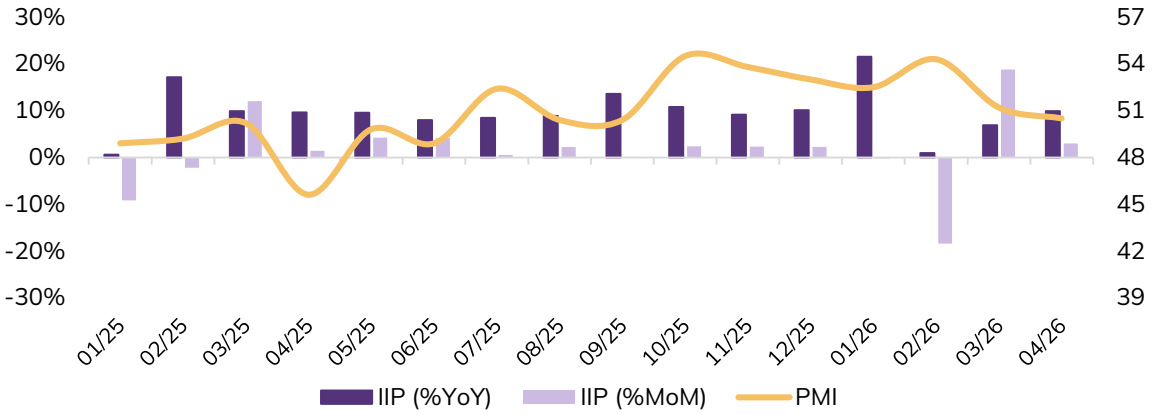

Nguồn: GSO, S&P Global, ABS Research

- Theo S&P Global, Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) của Việt Nam tiếp tục đà suy giảm trong tháng 3, rơi xuống 50,5 điểm, mức thấp nhất trong vòng bảy tháng. Sản lượng duy trì tăng là yếu tố giữ PMI trên ngưỡng 50 trong tháng 4, tuy nhiên đà tăng đã chậm lại xuống mức thấp nhất kể từ tháng 6/2025 do áp lực lạm phát gia tăng, thiếu hụt nguồn cung và bất ổn từ xung đột Trung Đông. Các chỉ số khác trong khảo sát cho thấy bức tranh kém tích cực hơn. Đặc biệt là số lượng Đơn hàng mới giảm lần đầu trong 8 tháng, với đơn hàng xuất khẩu giảm mạnh dưới tác động của chi phí vận chuyển gia tăng. Cùng với đó, số lượng lao động và hoạt động mua nguyên vật liệu đều giảm doanh nghiệp doanh nghiệp thu hẹp hoạt động trong bối cảnh đơn hàng mới suy giảm do áp lực giá và chi phí đầu vào tăng cao.
- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 4/2026 ước tính tăng 3,0% so với tháng trước và tăng 9,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 10,0% so với cùng kỳ năm trước; ngành khai khoáng tăng 7,6%.

Thống kê tăng trưởng sản xuất công nghiệp theo ngành cấp II (T4/2026)

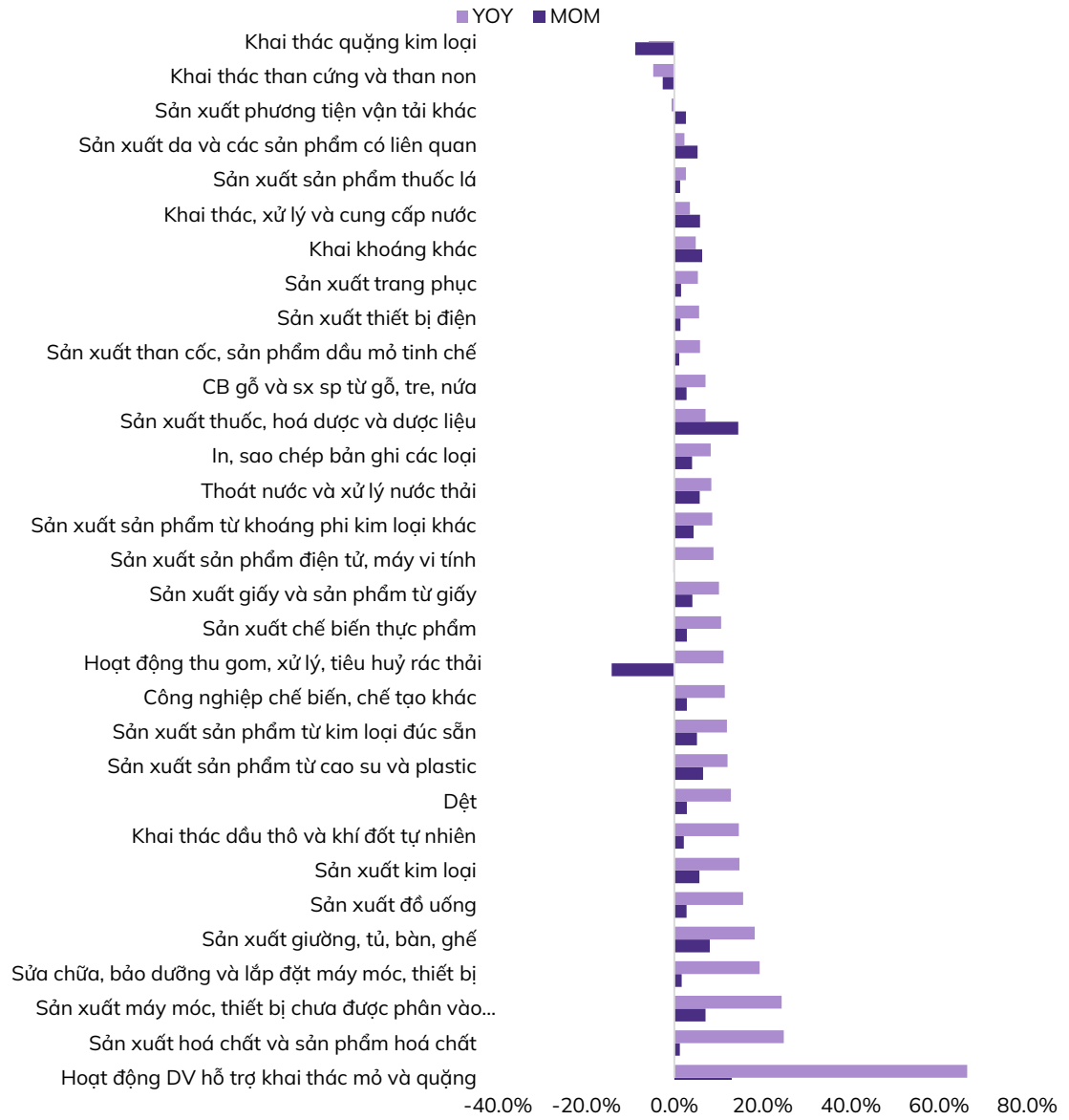

Nguồn: GSO, ABS Research

Tiếp tục xu hướng nhập siêu

- **Xuất – nhập khẩu**: Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 04/2026 ước đạt 94,32 tỷ USD, tăng 0,8% so với tháng trước và 26,9% svck.
- Kim ngạch xuất khẩu sơ bộ đạt 45,52 tỷ USD, giảm 2,0% so với tháng trước và tăng 21,0% svck. Tính chung 4 tháng, khu vực kinh tế trong nước đạt 33,65 tỷ USD, tăng 0,4% svck, chiếm 20% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 134,88 tỷ đồng, tăng 25,8% svck, chiếm 80% tổng kim ngạch.
- Nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 48,8 tỷ USD, tăng 3,6% so với tháng trước và tăng 32,5% svck. Tính chung 4 tháng, khu vực kinh tế trong nước đạt 49,27 tỷ USD, tăng 20,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 126,37 tỷ USD, tăng 32,3%.
- Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất với kim ngạch đạt 53,9 tỷ USD, xuất siêu sang Hoa Kỳ đạt 46,9 tỷ USD (+24,4% svck). Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất với kim ngạch đạt 69 tỷ USD, nhập siêu đạt 46,6 tỷ USD (+33,4% svck).

Nhập siêu hơn 3 tỷ USD trong tháng 4/2026 (Đvt: Tỷ USD, %YoY)

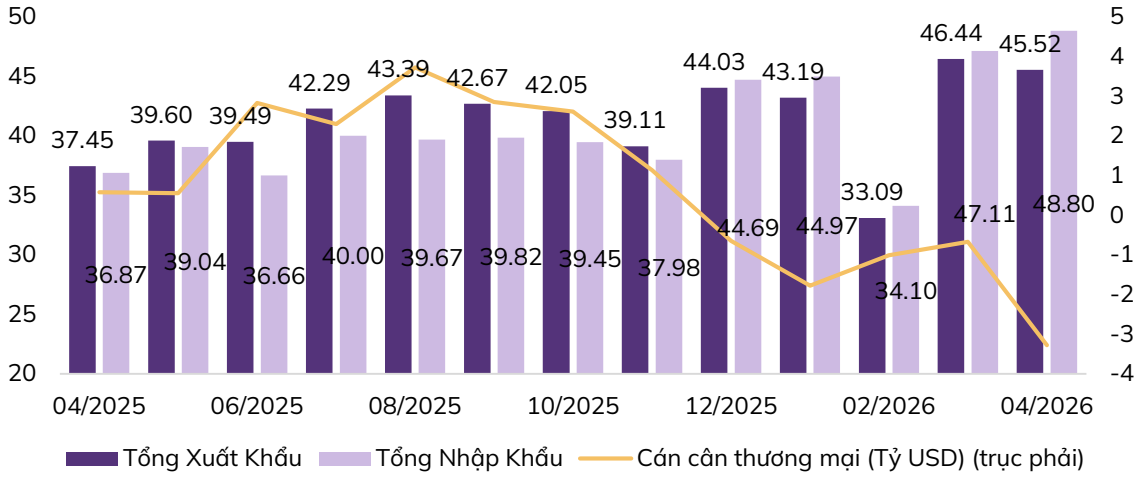

Nguồn: NSO, ABS Research

- Xét theo cơ cấu xuất khẩu, trong 4 tháng, nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 151,5 tỷ USD, chiếm 89,9%.
- Theo cơ cấu nhập khẩu, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước đạt 165,37 tỷ USD, chiếm 94,2% tỷ trọng, phản ánh doanh nghiệp vẫn duy trì nhập khẩu tư liệu sản xuất phục vụ các đơn hàng hiện hữu, trong khi khả năng tạo đơn hàng mới suy yếu dưới áp lực chi phí tăng. Đồng thời, giá năng lượng và chi phí vận tải cao làm gia tăng giá trị nhập khẩu danh nghĩa, góp phần mở rộng nhập siêu.
- Hai mặt hàng nhập khẩu có kim ngạch trên 10 USD, lần lượt là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện với 65,2 tỷ USD, tăng tới 52,3% YoY; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác với 21,1 tỷ USD, tăng 20,2% YoY. Tổng kim ngạch hai mặt hàng trên đạt 86,3 tỷ USD, chiếm 49% giá trị nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong kỳ.
- Một số mặt hàng nhập khẩu lớn khác có mức tăng trưởng cao như xăng dầu tăng tới 105% YoY, lên 4,5 tỷ USD; sản phẩm khác từ dầu mỏ tăng 137% YoY, lên 1,3 tỷ USD. Kim loại thường khác nhập khẩu cũng tăng 31,1% YoY, lên 4,6 tỷ USD; v.v
- Trong 4 tháng đầu năm, Việt Nam nhập siêu 7,11 tỷ USD, trái ngược với mức xuất siêu 4,3 tỷ USD của cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 15,61 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 8,5 tỷ USD.
- Xuất khẩu từng ghi nhận sự phục hồi nhanh sau các cú sốc chính sách vào tháng 4/2025. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện tại, đà phục hồi có thể diễn ra chậm hơn khi chi phí đầu vào tiếp tục duy trì ở mức cao do giá năng lượng neo cao, chi phí vận tải gia tăng và tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng chưa hoàn toàn được khắc phục.

Điểm sáng từ dòng vốn FDI

- Tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 27/4/2026 đạt 18,24 tỷ USD, tăng 32% svck. Trong đó. vốn đăng ký cấp mới là động lực chính, đạt 12,15 tỷ USD, gấp 2,2 lần svck, trong khi số dự án chỉ tăng nhẹ (+3,7%), cho thấy quy mô dự án gia tăng đáng kể. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 4 tháng đầu năm 2026 ước đạt 7,4 tỷ USD, tăng 9,8% svck.
- Về nhóm ngành, Công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu đạt 6,12 tỷ USD, chiếm 82,7% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện. Theo đó là hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 540,5 triệu USD, chiếm 7,3% tổng vốn; Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 270,6 triệu USD, chiếm 3,7% tổng vốn.
- Xét theo quốc gia, Singapore là nhà đầu tư lớn nhất với 6,05 tỷ USD, chiếm 49,8% vốn đăng ký cấp mới. Tiếp theo là Hàn Quốc với 4,08 tỷ USD (33,6%). Các quốc gia còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ hơn, gồm Trung Quốc 524,1 triệu USD (4,3%), Nhật Bản 462 triệu USD (3,8%). Trung Quốc là đối tác dẫn đầu về số lượng dự án đầu tư mới, trong khi Hàn Quốc đứng đầu về số lượt điều chỉnh tăng vốn.
- Về địa bàn đầu tư, Thái Nguyên dẫn đầu cả nước với tổng vốn đăng ký hơn 5,7 tỷ USD, chiếm 37,6% tổng vốn đầu tư. Tiếp đến là TPHCM, Nghệ An, Bắc Ninh, Tây Ninh và Hà Nội.
- FDI tiếp tục ghi nhận tín hiệu tích cực cả về đăng ký và giải ngân, với động lực chính đến từ các dự án quy mô lớn trong lĩnh vực công nghệ cao và chế biến chế tạo, phản ánh sức hấp dẫn của Việt Nam trong bối cảnh Chính phủ đẩy mạnh thu hút FDI chất lượng cao và phát triển hạ tầng công nghiệp.

Cơ cấu tổng vốn đầu tư nước ngoài

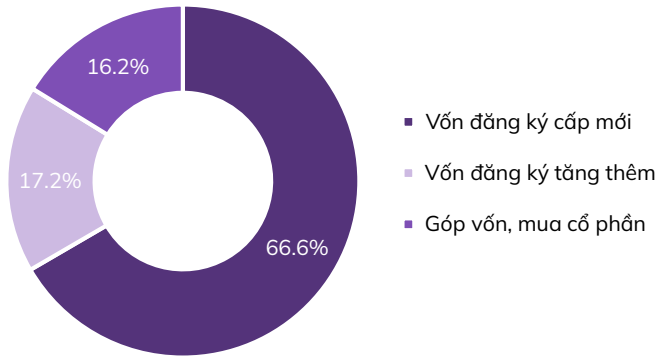

Cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo đối tác

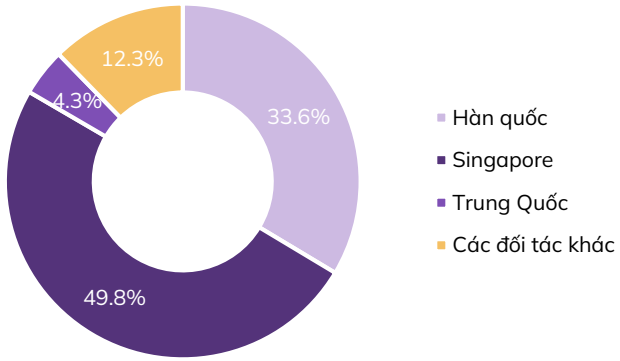

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Đvt: Tỷ USD)

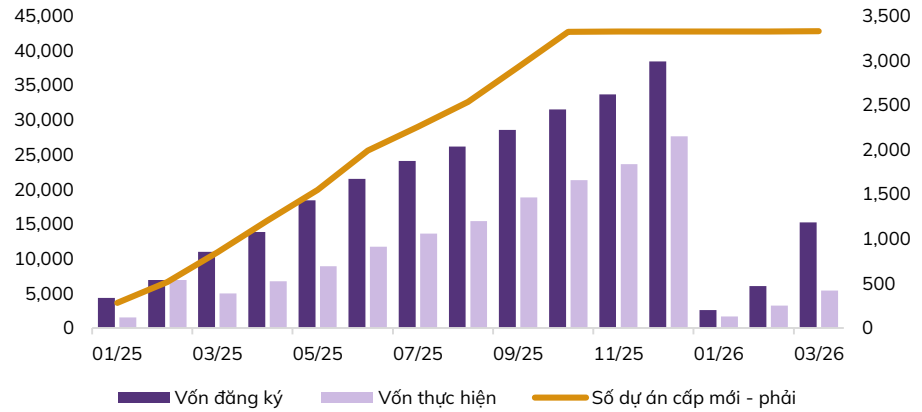

Nguồn: GSO, ABS Research

Lạm phát tăng cao nhưng vẫn trong tầm kiểm soát

- CPI (Chỉ số giá tiêu dùng) tháng 4/2026 tăng 0,84% MoM và 5,46% YoY , chủ yếu do giá gas trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới, giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình và vật liệu xây dựng tăng do chi phí nguyên liệu đầu vào, vận chuyển tăng.
- Trong mức tăng 0,84% MoM, nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng có mức tăng mạnh nhất 2,59%, tác động tăng CPI chung lên 0,46 điểm %. Tiếp đó là đồ uống và thuốc lá; thiết bị và đồ dùng gia đình; hàng hóa và dịch vụ khác. Riêng nhóm giao thông giảm 0,81% do giá xăng giảm theo giá thế giới so với tháng trước.
- Lũy kế 4 tháng, CPI tăng 3,99% svck; mức tăng này vẫn nằm trong ngưỡng mục tiêu kiểm soát của Chính phủ.
- Trong ngắn hạn, lạm phát dự kiến có thể chịu áp lực tăng từ giá năng lượng và chi phí đầu vào, đặc biệt trong bối cảnh các rủi ro địa chính trị còn hiện hữu.

CPI và lạm phát cơ bản các tháng

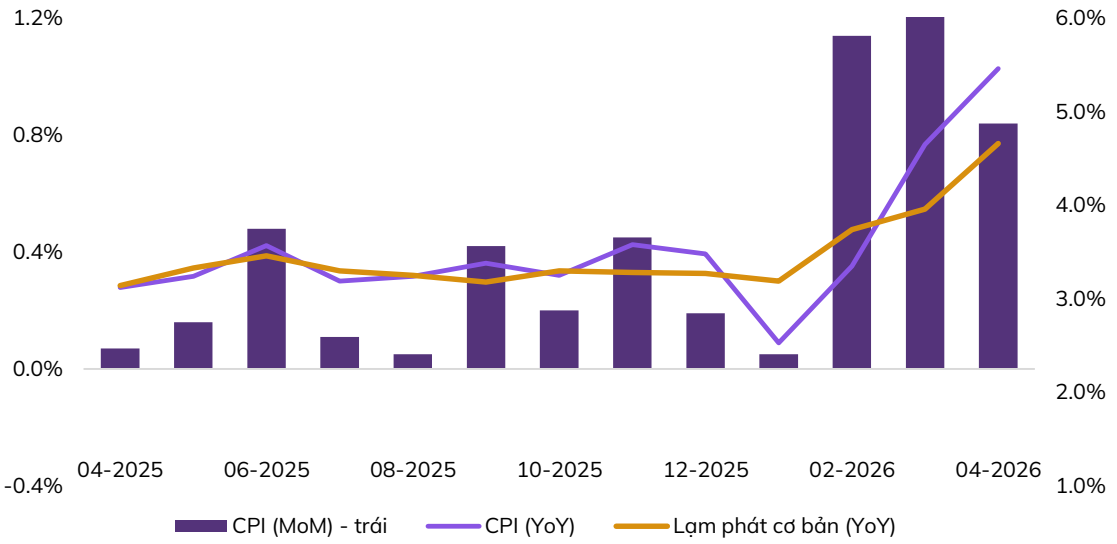

Nguồn: GSO, ABS Research

Thống kê giỏ hàng hóa tiêu dùng các tháng (YoY)

Giỏ hàng hóa tiêu dùng	04-2025	05-2025	06-2025	07-2025	08-2025	09-2025	10-2025	11-2025	12-2025	01-2026	02-2026	03-2026	04-2026	Lũy kế
CPI (YoY)	**3,12%**	**3,24%**	**3,57%**	**3,19%**	**3,24%**	**3,38%**	**3,25%**	**3,58%**	**3,48%**	**2,53%**	**3,35%**	**4,65%**	**5,46%**	**3,99%**
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	4,09%	3,72%	3,01%	2,92%	2,58%	2,06%	2,09%	3,29%	4,20%	3,64%	5,28%	4,72%	5,20%	4,71%
Lương thực	0,66%	0,74%	0,38%	0,24%	0,06%	-0,72%	-1,46%	-1,49%	-1,20%	-1,22%	-0,05%	0,72%	2,06%	0,37%
Thực phẩm	4,91%	4,25%	3,16%	2,99%	2,51%	1,93%	1,96%	3,85%	5,18%	4,26%	6,26%	4,69%	4,51%	4,93%
Ăn uống ngoài gia đình	3,57%	3,71%	3,76%	3,90%	3,84%	3,57%	3,96%	4,05%	4,21%	4,31%	5,31%	6,58%	8,30%	6,12%
Đồ uống và thuốc lá	2,07%	2,07%	2,10%	2,24%	2,25%	2,35%	2,36%	2,20%	2,05%	1,95%	3,03%	3,44%	4,21%	3,15%
May mặc và giày dép	1,09%	1,14%	1,35%	1,37%	1,49%	1,41%	1,50%	1,41%	1,33%	1,21%	1,87%	1,82%	2,29%	1,79%
Nhà ở và VLXD	5,73%	6,10%	7,23%	7,07%	6,99%	6,87%	6,76%	5,73%	5,23%	5,60%	5,60%	5,88%	7,95%	6,25%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	1,57%	1,64%	1,68%	1,71%	1,73%	1,69%	1,69%	1,78%	1,77%	1,71%	2,23%	2,44%	3,14%	2,38%
Thuốc và dịch vụ y tế	13,56%	13,58%	12,92%	12,81%	12,64%	12,62%	12,63%	12,65%	10,27%	0,92%	0,74%	1,00%	1,11%	0,94%
Giao thông	-6,89%	-5,66%	-1,87%	-3,74%	-1,92%	1,46%	-0,02%	1,11%	-0,55%	-3,76%	-3,19%	10,81%	11,08%	3,48%
Bưu chính viễn thông	-0,50%	-0,20%	-0,24%	-0,38%	-0,57%	-0,62%	-0,54%	-0,30%	-0,25%	-0,28%	-0,24%	-0,07%	0,24%	-0,09%
Giáo dục	2,76%	3,03%	3,06%	3,05%	3,11%	3,24%	3,27%	3,20%	3,05%	3,14%	3,21%	3,30%	3,37%	3,25%
Văn hóa, giải trí và du lịch	2,14%	2,11%	1,70%	1,76%	1,73%	1,84%	1,81%	1,63%	1,31%	1,11%	2,31%	2,07%	2,71%	2,05%
Đồ dùng và dịch vụ khác	6,40%	6,64%	6,68%	3,00%	2,91%	2,88%	3,06%	3,07%	3,03%	2,94%	4,10%	4,01%	4,52%	3,89%

Nguồn: GSO, ABS Research

Tốc độ tăng trưởng tín dụng giảm mạnh

Lợi suất trái phiếu chính phủ duy trì đà tăng

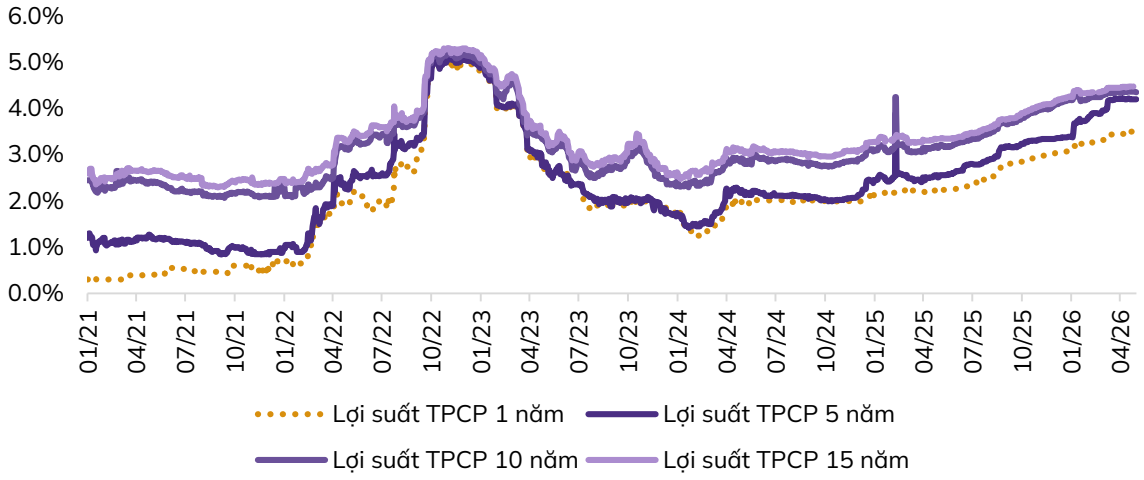

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Tăng trưởng tín dụng 4 tháng đầu năm có xu hướng chậm lại (% svck)

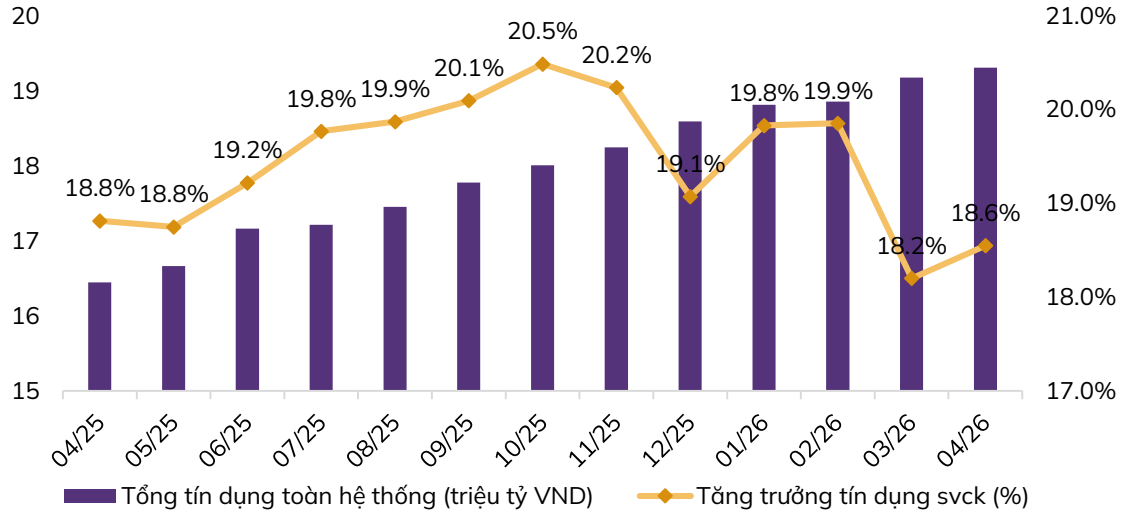

Nguồn: NHNN, ABS Research

- Tính đến ngày 21/04, dư nợ tín dụng toàn hệ thống đạt khoảng 19,31 triệu tỷ đồng, tăng 3,83% so với cuối năm 2025 và 18,55% svck. Trong khi đó, huy động vốn của hệ thống ngân hàng tăng trưởng chậm (khoảng 0,55% trong quý I), thấp hơn tốc độ tăng trưởng tín dụng, tiếp tục cho thấy áp lực về nguồn vốn trong ngắn hạn. Trong bối cảnh đó, lãi suất huy động đã đồng loạt giảm trong tháng 4, đặc biệt sau cuộc họp của Ngân hàng Nhà nước với các NHTM nhằm thống nhất chủ trương hạ lãi suất của các ngân hàng. Việc này góp phần hạ chi phí vay vốn, qua đó hỗ trợ cá nhân và doanh nghiệp phục hồi hoạt động sản xuất, đồng thời thúc đẩy nhu cầu tín dụng cho tiêu dùng và đầu tư. Dự kiến lãi suất huy động sẽ tiếp tục giảm trong các tháng tới.
- Lợi suất trái phiếu chính phủ tăng nhẹ hoặc đi ngang trên các kỳ hạn, trong đó mức tăng rõ nét nhất ghi nhận ở kỳ hạn 1 năm, phản ánh áp lực thanh khoản trong ngắn hạn và kỳ vọng lạm phát còn hiện hữu.

Lãi suất huy động giảm trở lại

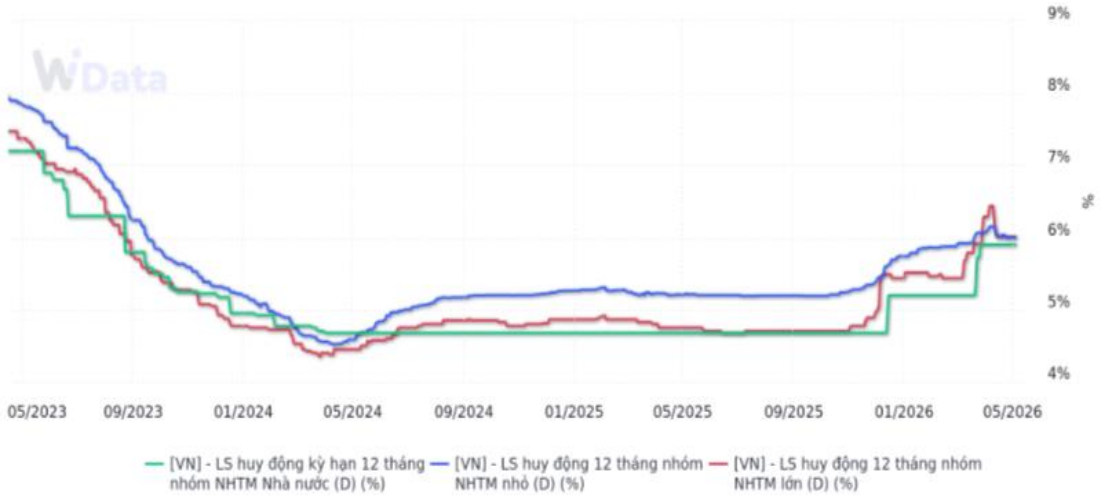

Nguồn: Wichart, ABS Research

Vàng và tỷ giá diễn biến trái chiều

Vàng giảm mạnh trong tháng 4

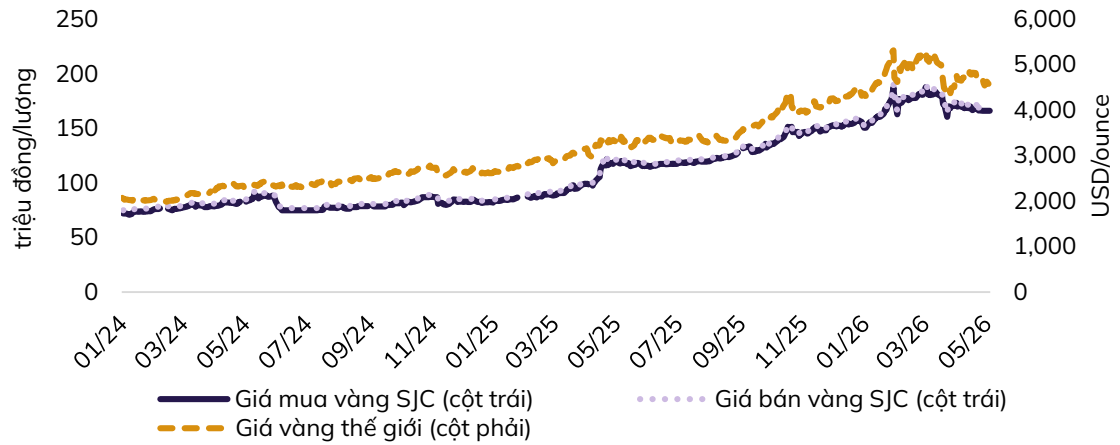

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Tỷ giá trong tháng 4 neo ở mức cao

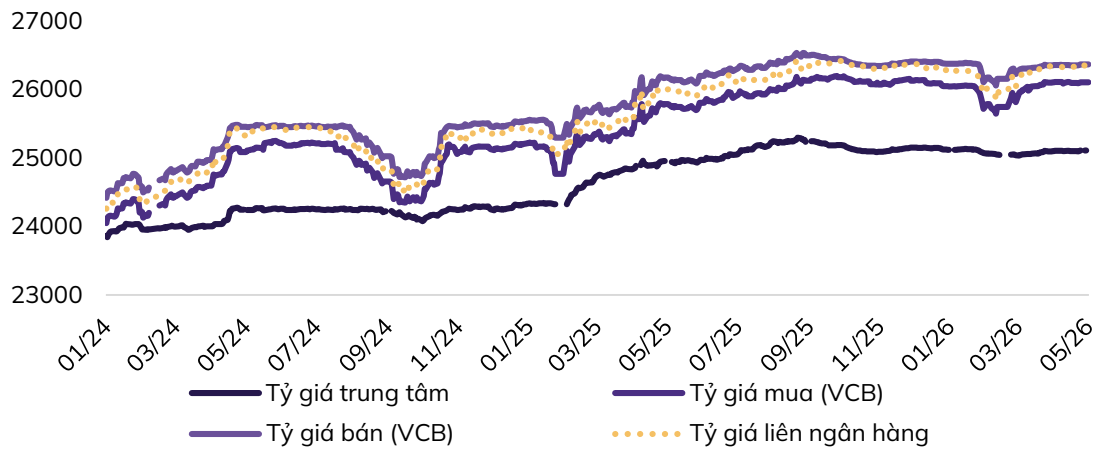

Nguồn: Fiinpro, Investing, ABS Research

- Giá vàng thế giới trong tháng 4 ghi nhận nhịp hồi phục nhẹ sau khi chạm đáy vào cuối tháng 3 (khoảng ngày 26/03 – mức thấp nhất từ đầu năm). Tuy nhiên, đà phục hồi này không bền vững khi giá nhanh chóng quay đầu giảm trở lại vào cuối tháng, phản ánh lực bán vẫn chiếm ưu thế. Diễn biến này cho thấy nhịp tăng trong tháng chủ yếu mang tính kỹ thuật, trong khi các yếu tố cơ bản như lợi suất trái phiếu duy trì ở mức cao và đồng USD mạnh tiếp tục gây áp lực lên giá vàng. Bên cạnh đó, lo ngại lạm phát gia tăng do giá năng lượng cao càng củng cố kỳ vọng chính sách tiền tệ thận trọng, qua đó làm gia tăng chi phí cơ hội nắm giữ vàng.
- Giá vàng SJC trong tháng 4/2026 giảm mạnh, kết thúc tháng quanh 163–166 triệu đồng/lượng, giảm khoảng 10–11 triệu đồng/lượng so với đầu tháng. So với đầu năm giá hiện đã thu hẹp đáng kể mức tăng trước đó và quay về gần vùng đầu năm, cho thấy đà tăng đã bị đảo chiều và bước vào pha điều chỉnh rõ rệt. Mức giảm chủ yếu đến từ diễn biến suy yếu của giá vàng thế giới trong bối cảnh lợi suất trái phiếu và đồng USD duy trì ở mức cao.

- Cuối tháng 4/2026, tỷ giá USD/VND liên ngân hàng giữ ở mức tương đối tốt, dao động ở mức 26.356, tương đương mức cuối tháng trước và tăng 0,2% YTD trong bối cảnh DXY điều chỉnh ngắn hạn.
- Tỷ giá trung tâm cũng được điều chỉnh tăng 11 đồng, lên mức 25.113 VND/USD(-0,04% so với đầu năm). Đồng thời, NHNN đã đảo chiều sang bơm ròng khoảng 20 nghìn tỷ đồng trong tháng 4 thông qua kênh OMO, cho thấy nhà điều hành bắt đầu linh hoạt hơn trong điều tiết thanh khoản hệ thống ngân hàng sau giai đoạn duy trì trạng thái hút ròng nhằm ổn định tỷ giá.
- Lãi suất liên ngân hàng qua đêm ghi nhận xu hướng hạ nhiệt về cuối tháng, về mức khoảng 3,88% vào ngày 29/04, phản ánh thanh khoản hệ thống được cải thiện so với giai đoạn căng thẳng trước đó. Diễn biến này cho thấy các biện pháp điều tiết của NHNN bước đầu phát huy hiệu quả trong việc ổn định mặt bằng lãi suất ngắn hạn.

Một số thông tin nổi bật tháng 04/2026

Ngày	Nội dung	Tác động kỳ vọng
06/04/2026	Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 40/2026/TT-BTC nhằm miễn một số khoản phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông vận tải, qua đó góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh.	Chính sách này được kỳ vọng sẽ giảm chi phí vận hành cho doanh nghiệp vận tải, tăng khả năng cạnh tranh và hỗ trợ phục hồi kinh tế.
07/04/2026	Chính phủ ban hành Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh tại 14 bộ, ngành.	Nghị quyết được kỳ vọng giúp giảm chi phí tuân thủ, cải thiện môi trường kinh doanh và thúc đẩy hoạt động đầu tư của doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế cần hỗ trợ tăng trưởng.
09/04/2026	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) họp với 46 ngân hàng thương mại về điều hành chính sách tiền tệ. Tại cuộc họp, các ngân hàng thống nhất thực hiện chủ trương giảm lãi suất huy động và cho vay, theo định hướng của Chính phủ và NHNN.	Động thái này góp phần giảm chi phí vốn cho nền kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh và thúc đẩy nhu cầu tín dụng trong các tháng tiếp theo.
20/04/2026	Thông tư 43/2026/TT-BTC sửa đổi quy định về lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất có hiệu lực kể từ ngày 20/04/2026.	Quy định mới giúp hoàn thiện khung pháp lý kế toán, nâng cao chất lượng và tính đồng nhất của báo cáo tài chính doanh nghiệp.
21/04/2026	Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng ký Chỉ thị 13/CT-TTg về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, gắn với định hướng đột phá khoa học công nghệ và chuyển đổi số quốc gia theo Nghị quyết 57-NQ/TW.	Chỉ thị được kỳ vọng thúc đẩy đầu tư vào các công nghệ lõi và công nghiệp sinh học trong các lĩnh vực nông nghiệp, môi trường, y tế và công nghiệp, qua đó tạo động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế và nâng cao năng lực công nghệ quốc gia.
24/04/2026	Quốc hội thông qua Nghị quyết 29/2026/QH16 về cơ chế, chính sách đặc thù để xử lý vi phạm pháp luật về đất đai của tổ chức, cá nhân xảy ra trước khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài.	Nghị quyết được kỳ vọng sẽ tháo gỡ các vướng mắc pháp lý kéo dài đối với nhiều dự án tồn đọng, qua đó khơi thông nguồn lực đất đai và hỗ trợ thị trường bất động sản, đầu tư và xây dựng phục hồi. Đồng thời, động thái này cũng góp phần cải thiện tâm lý doanh nghiệp và thúc đẩy tiến độ triển khai các dự án bị đình trệ nhiều năm.
29/04/2026	Nghị định số 141/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, theo nâng ngưỡng chịu thuế với hộ kinh doanh lên 01 tỷ đồng/năm.	Chính sách được kỳ vọng giúp giảm gánh nặng thuế cho hộ kinh doanh nhỏ và siêu nhỏ, hỗ trợ khu vực kinh tế cá thể mở rộng hoạt động và thúc đẩy tiêu dùng nội địa.
05/05/2026	Moody’s nâng triển vọng tín nhiệm của Việt Nam từ 'ổn định' lên 'tích cực', đồng thời giữ xếp hạng Ba2.	Việc này phản ánh đánh giá tích cực hơn về nền tảng vĩ mô và khả năng cải thiện chất lượng tín dụng quốc gia. Động thái này được kỳ vọng sẽ hỗ trợ niềm tin nhà đầu tư, cải thiện khả năng thu hút dòng vốn nước ngoài

Nguồn: ABS Research tổng hợp

ABS
TRỌN VẸN TRẢI NGHIỆM ĐẦU TƯ

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Tâm lý ảm đạm

Trải nghiệm ngay ứng dụng
ABS invest

Trải nghiệm ngay bảng giá
ABS Web Trading

Tổng quan TTCK tháng 04/2026

- Thị trường hồi phục trong nghi ngờ xuyên suốt các phiên giao dịch trong tháng 4 lên đến gần vùng đỉnh cũ 1.890 điểm. Chất xúc tác chính mở đầu cho nhịp hồi phục này là câu chuyện nâng hạng khi FTSE xác nhận vào ngày 8/4/2026 rằng Việt Nam sẽ chính thức được đưa vào rổ thị trường mới nổi từ tháng 9/2026. Điều này khiến điểm số tăng mạnh và kéo theo dòng tiền lan tỏa khắp thị trường. Tuy nhiên giai đoạn cuối tháng ghi nhận lực kéo chính từ nhóm cổ phiếu họ Vingroup trong khi thị trường lùi về thận trọng, thanh khoản suy giảm. VN-Index đóng cửa tháng 4/2026 ở mức 1.854 điểm, tăng +10,7% so với tháng trước.
- TTCK thế giới, chỉ số Nasdaq tăng mạnh nhất +14,3% so với tháng trước, Nikkei tăng +11,2% và S&P 500 tăng +9,3%. Các doanh nghiệp Mỹ ghi nhận kết quả kinh doanh Q1/2026 tăng vượt kỳ vọng, đặc biệt các cổ phiếu Công nghệ, Bán dẫn ghi nhận tăng hơn 50% kéo điểm số Nasdaq và S&P500 vượt đỉnh. Thị trường Nhật Bản cũng hưởng lợi gián tiếp từ làn sóng AI & bán dẫn toàn cầu lan tỏa, và lệnh ngừng bắn của Mỹ cũng khiến chỉ số Nikkei bật tăng mạnh, lập mức cao mới trong tháng.

Biến động chỉ số một số TTCK trên thế giới

	% thay đổi 1M	% thay đổi 3M	% thay đổi 6M	% thay đổi 12M
VNINDEX	10.7%	1.4%	13.1%	51.2%
Dow Jones	5.4%	-0.1%	2.7%	20.1%
Nasdaq	14.3%	5.2%	4.0%	41.4%
S&P 500	9.3%	2.8%	4.3%	28.1%
Shanghai	5.5%	-0.3%	3.9%	25.3%
DAX	5.6%	-2.4%	0.0%	6.5%
Nikkei 225	11.2%	10.9%	12.9%	64.1%
SET	3.0%	12.5%	13.9%	24.6%
FTSE 100	0.4%	-0.1%	5.1%	20.2%

Diễn biến điểm số VNIndex trong 01 năm trở lại

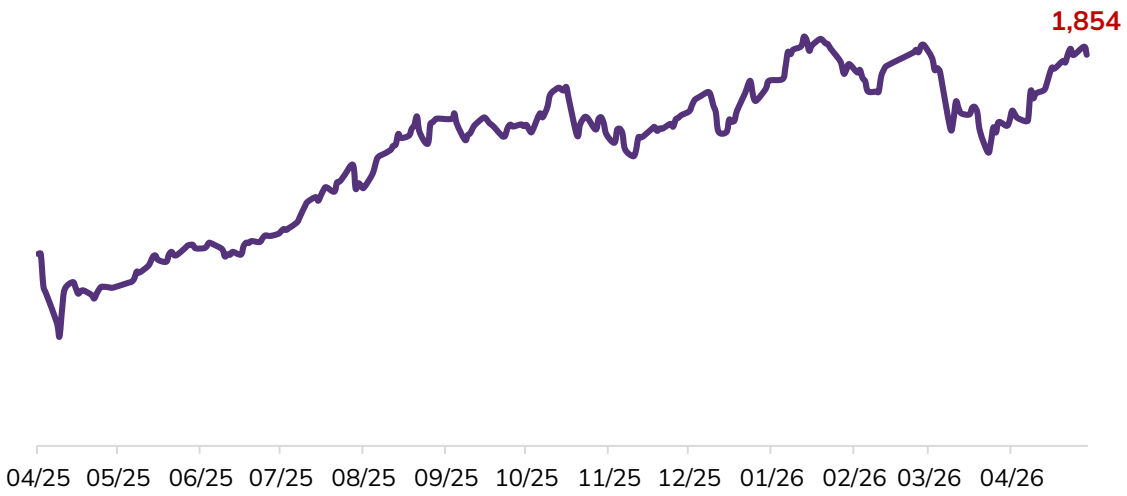

Trung bình GTGD/phiên của VNINDEX trong 01 năm

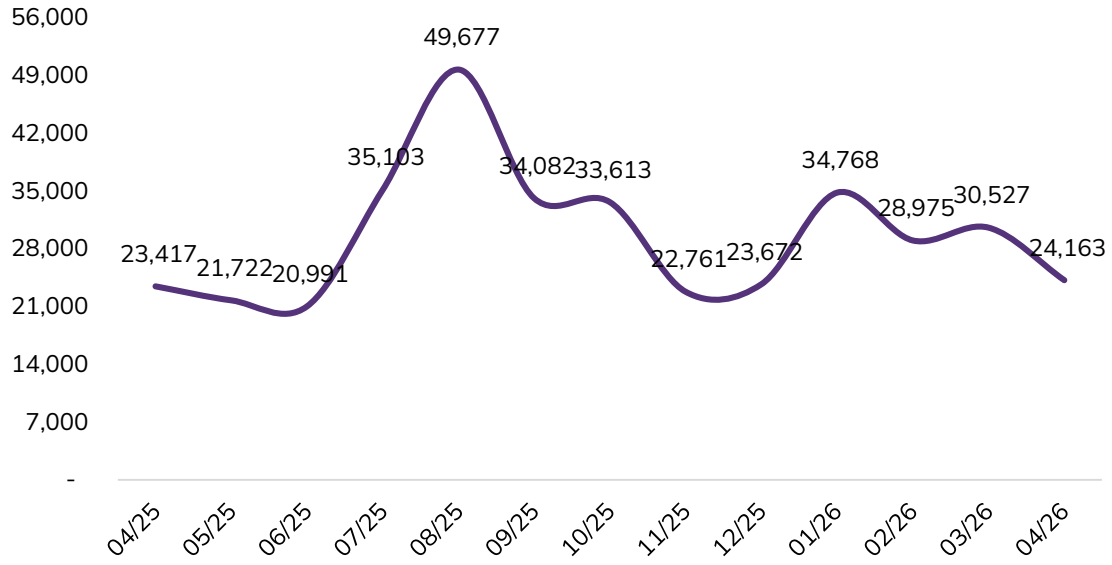

Nguồn: Investing, FiinproX, ABS Research

Điểm lại một số phiên của VN-Index trong tháng 04

Tâm lý nghi ngờ khiến thanh khoản tiếp tục ảm đạm. Điểm số của VN-Index tiếp tục nâng lên gần vùng đỉnh cũ nhờ sự điều tiết của thông tin vĩ mô trong nước và tình hình chiến sự trên thế giới hạ nhiệt ở đầu tháng 4. Nhưng mức độ hưng phấn của thị trường giảm dần về cuối tháng khi GTGD trung bình phiên của tháng 4/2026 chỉ đạt hơn 24 nghìn tỷ đồng, giảm -20,8% so với tháng trước, cho thấy sự không đồng thuận giữa giá và khối lượng. Điều này là do sự phân hóa xuất hiện giữa các nhóm ngành khiến cho thị trường có sự chênh lệch về cung – cầu, phần lớn dòng tiền tập trung ở nhóm Bất động sản trong khi phần còn lại nghiêng về sắc ảm đạm. Trong tháng 4, chỉ có duy nhất phiên 8/4 – xuất hiện FTD có GTGD lớn nhất, đạt 34,9 nghìn tỷ đồng, các phiên còn lại dao động trong khoảng 20 – 25 nghìn tỷ đồng/phiên.

Biến động VNI trong tháng 04/2026

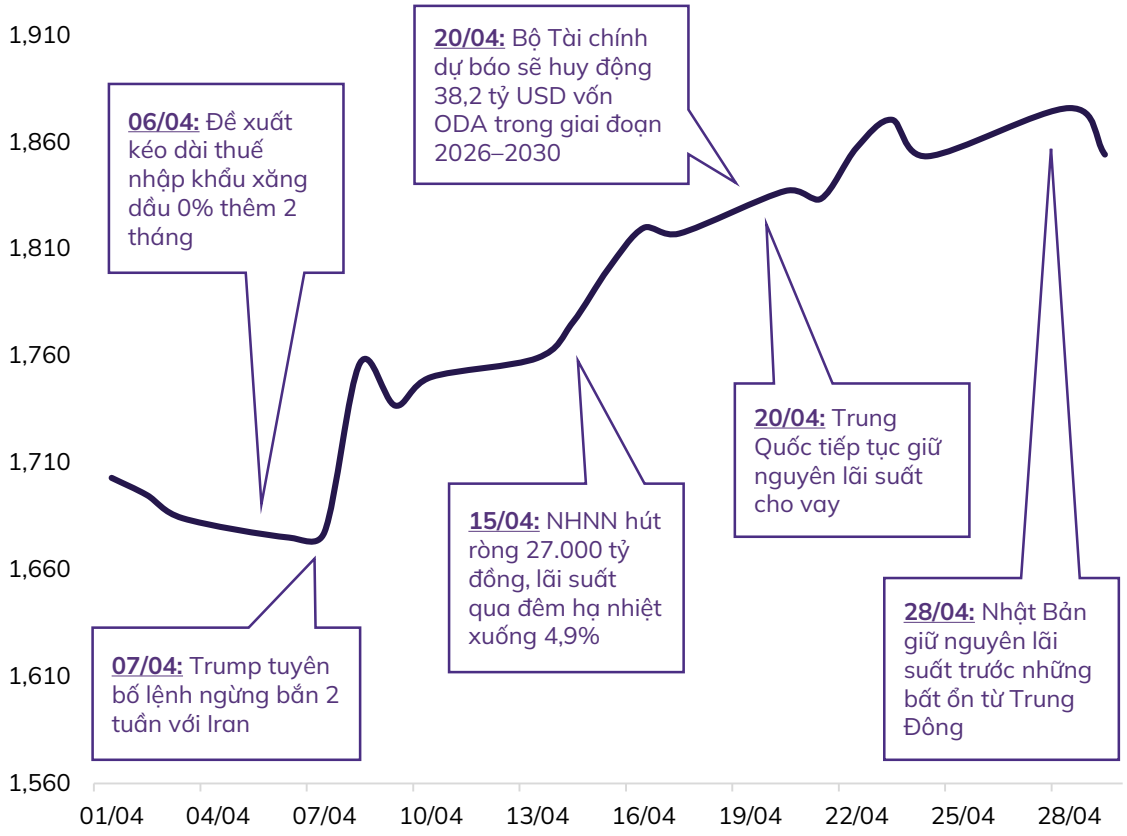

Biến động thanh khoản VNI trong tháng 04

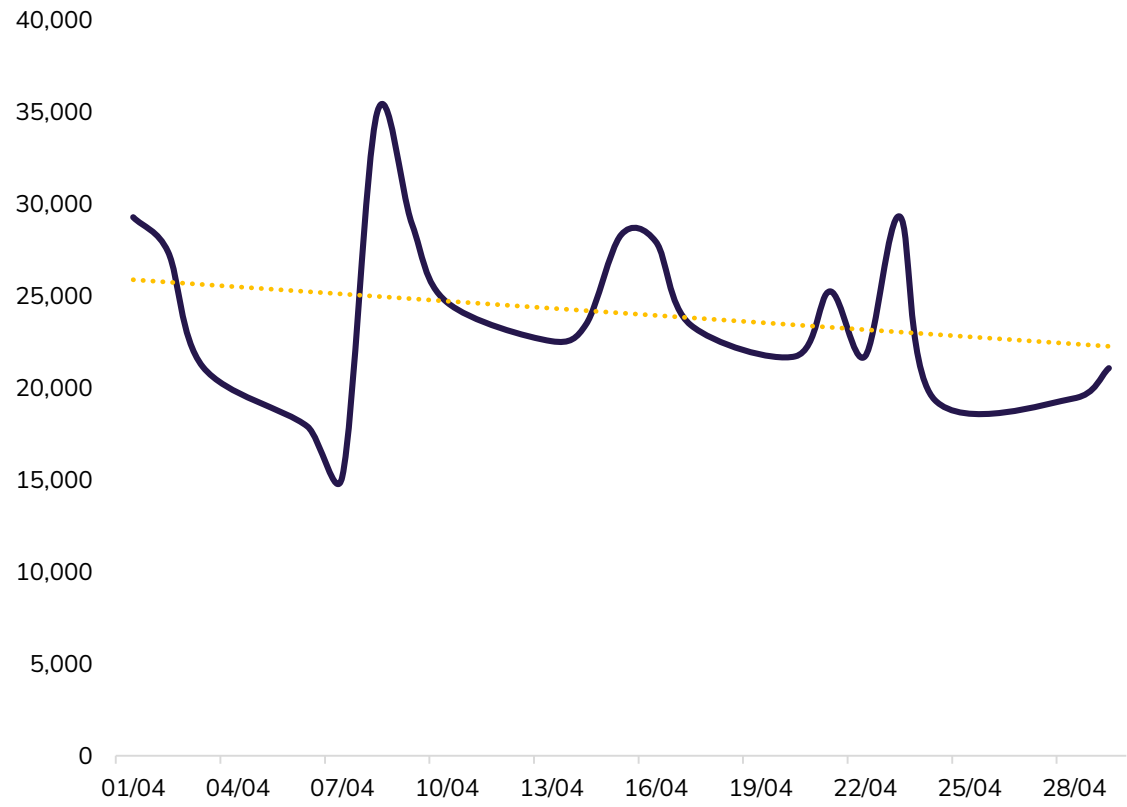

Nguồn: FiinproX, ABS Research

Chuyển động cổ phiếu trong tháng 04

Biến động giá cổ phiếu trong nhóm VN30

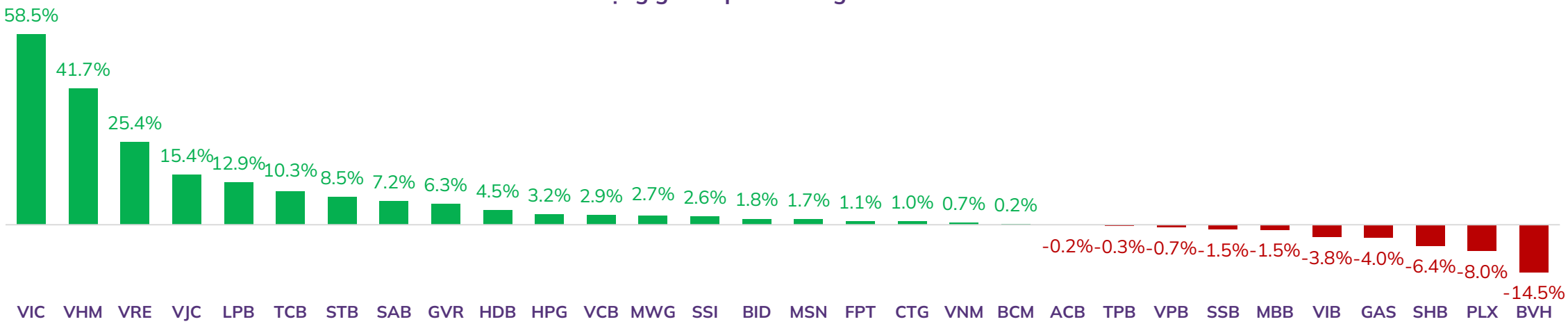

Nguồn: FiinproX, ABS Research

Ghi chú: dữ liệu được tính đến ngày 29/04/2026

Top 5 cổ phiếu ảnh hưởng tích cực đến VN-Index

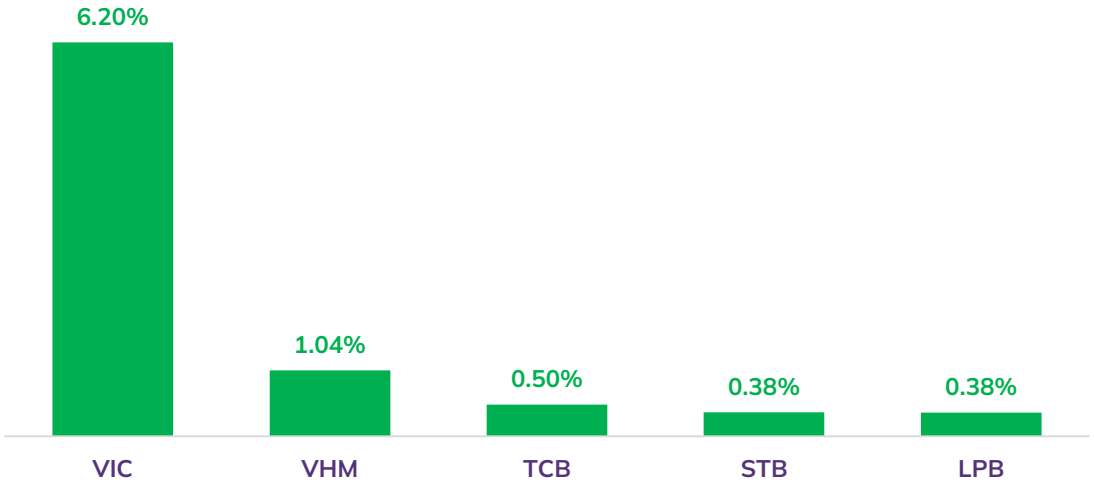

Top 5 cổ phiếu ảnh hưởng tiêu cực đến VN-Index

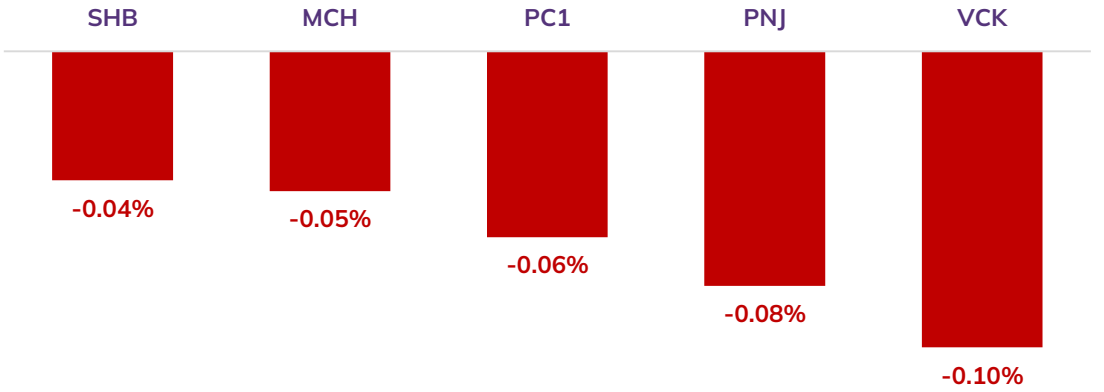

Nguồn: FiinproX, ABS Research

Hành động của NĐT trong tháng 04

NĐT cá nhân đóng góp mua ròng lớn trong tháng

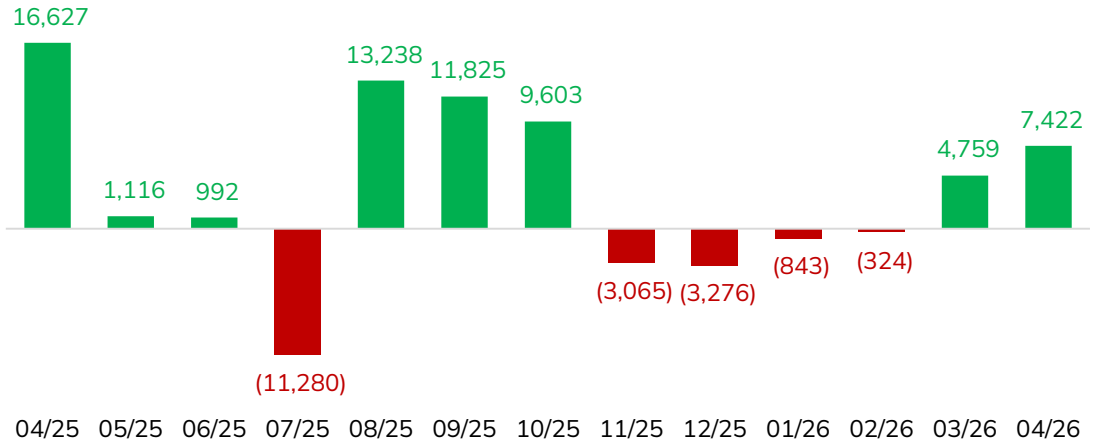

Ghi chú: dữ liệu được tính bao gồm giá trị khớp lệnh + thỏa thuận tại sàn HOSE

Tự doanh nối chuỗi mua ròng liên tiếp

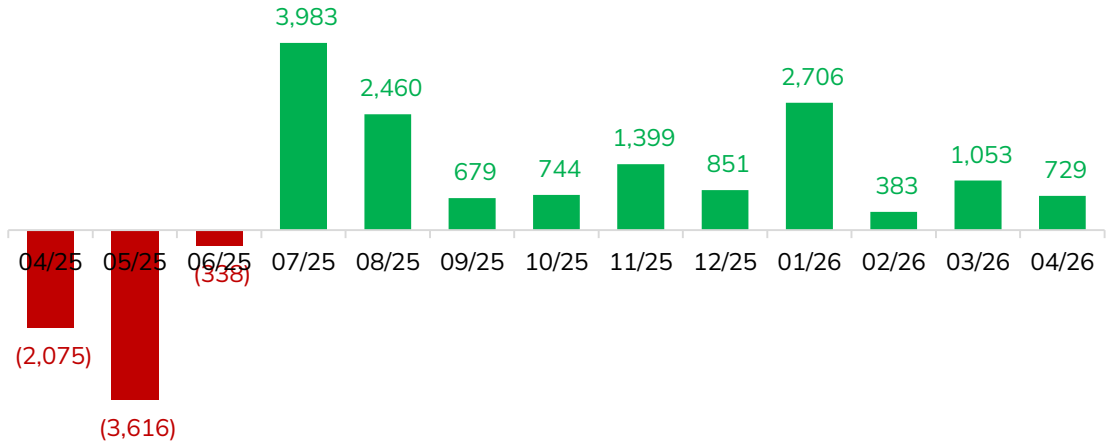

Ghi chú: dữ liệu được tính bao gồm giá trị khớp lệnh + thỏa thuận tại sàn HOSE

Tổ chức trong nước quay trở lại bán ròng

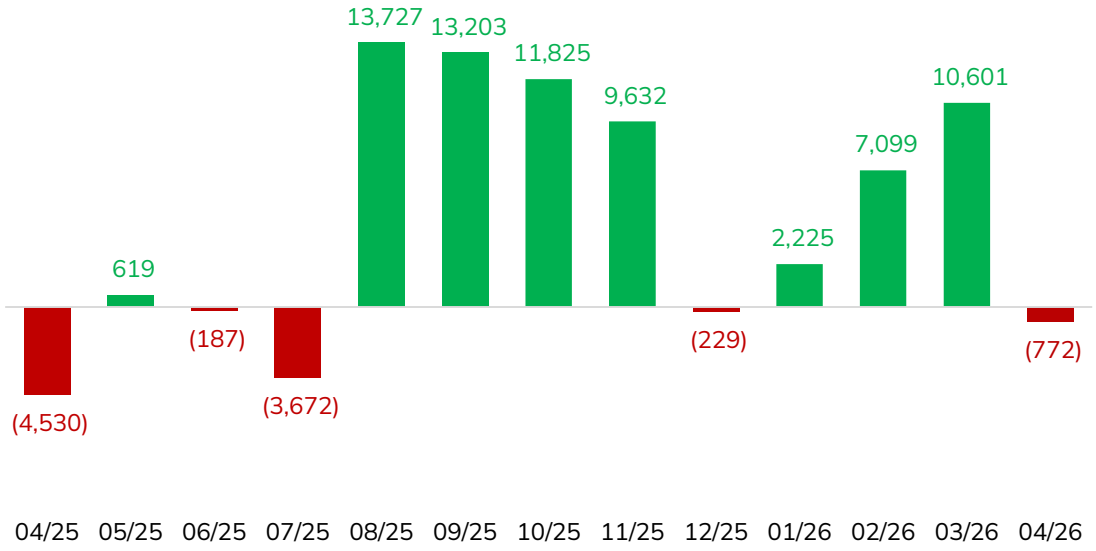

Ghi chú: dữ liệu được tính bao gồm giá trị khớp lệnh + thỏa thuận tại sàn HOSE

Khối ngoại tiếp tục bán ròng

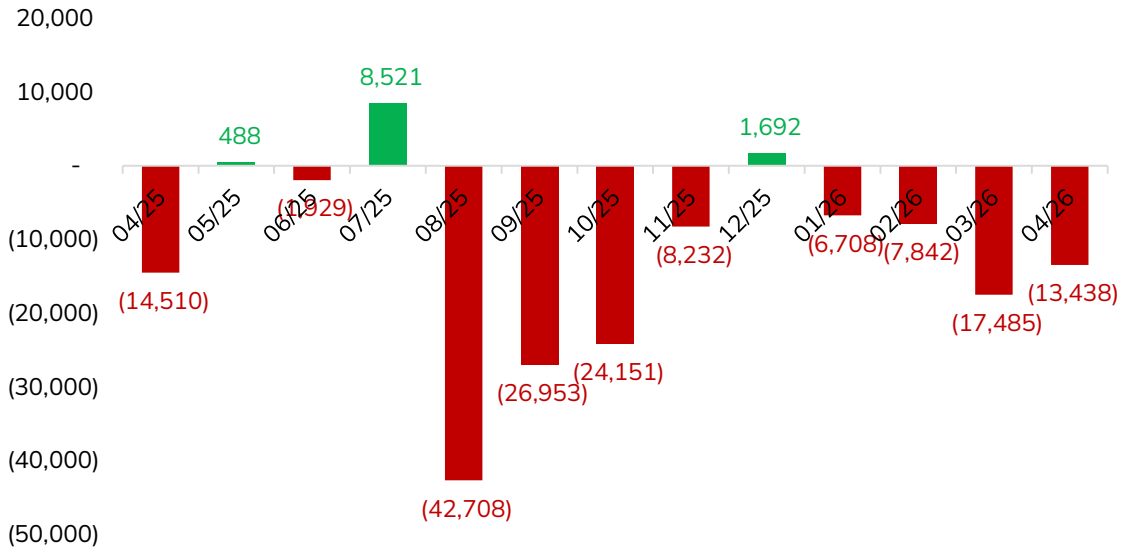

Ghi chú: dữ liệu được tính bao gồm giá trị khớp lệnh + thỏa thuận tại 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM

Chuyển động nhóm ngành và câu chuyện đầu tư

- **Sức hút lớn từ nhóm Bất động sản.** Độ lan tỏa của dòng tiền trong tháng 4 có sự khác biệt so với tháng 3 khi phần lớn thị trường tập trung vào nhóm Bất động sản vốn hóa lớn, đặc biệt là nhóm Vingroup như VIC, VHM, VRE,... với giá trị giao dịch bình quân phiên tăng 20,2% so với tháng trước, đạt 5.295 tỷ đồng và cũng là nhóm có mức tăng điểm mạnh nhất (tính theo giá trị bình quân thị trường). Chính sức hút này đã kéo điểm số VN-Index hồi phục mạnh hơn 200 điểm lên vùng kháng cự 1880 điểm. Ở phía còn lại ghi nhận giá trị giao dịch bình quân phiên giảm ở hầu hết các nhóm ngành như Dầu khí (-64,4%), Hóa chất (-62,1%), Năng lượng (-54,8%), Công nghệ thông tin (-41,2%),...Điều này cho thấy dòng tiền vẫn đang tiếp tục rút ra ở các nhóm tăng nóng và hội tụ về nhóm kéo điểm số thị trường.
- Biến động dòng tiền cho thấy sự thận trọng và chọn lọc. Phần lớn các nhóm ngành không có nhiều biến động về tỷ trọng tiền so với tháng trước, chỉ duy nhất các nhóm như Bất động sản, Ngân hàng, Du lịch có biến động tăng tỷ trọng dòng tiền cao hơn rõ rệt so với tháng trước. Về xu hướng, nhóm Xây dựng và Du lịch có xu hướng tiền vào trong 4 tháng trở lại đây và thoát ra ở nhóm Thực phẩm, Dầu khí, Công nghệ thông tin, Năng lượng.

Giá trị giao dịch bình quân của các nhóm ngành trong tháng 4 (Tỷ đồng)

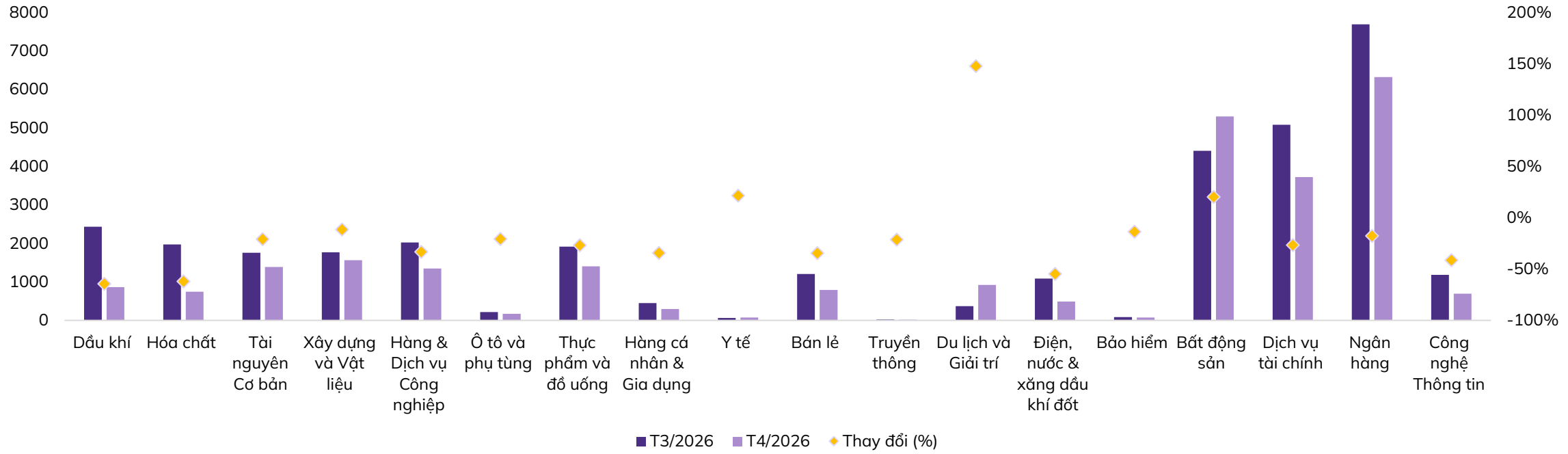

Nguồn: FiinproX, ABS Research

Chuyển động nhóm ngành và câu chuyện đầu tư

Biến động dòng tiền các nhóm ngành trong tháng 04/2026

Tên ngành	T4/26	T3/26	T2/26	T1/26	T12/25	T11/25	T10/25	T9/25	T8/25	T7/25	T6/25	T5/25	T4/25
Dầu khí	3.31%	7.21%	6.35%	5.96%	2.36%	3.39%	1.50%	1.86%	2.36%	1.77%	3.26%	1.48%	1.47%
Hóa chất	2.85%	5.84%	4.08%	3.59%	3.04%	2.76%	1.71%	1.77%	2.68%	3.48%	4.40%	3.51%	3.11%
Tài nguyên Cơ bản	5.30%	5.21%	6.45%	4.11%	4.46%	4.83%	5.17%	8.64%	6.10%	5.59%	4.97%	4.51%	5.42%
Xây dựng và Vật liệu	5.97%	5.24%	4.31%	3.95%	4.42%	4.96%	5.52%	6.06%	6.03%	5.62%	5.50%	5.70%	4.62%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.16%	6.00%	5.45%	5.13%	5.66%	6.73%	6.29%	4.49%	5.04%	6.39%	6.03%	6.93%	5.46%
Ô tô và phụ tùng	0.66%	0.64%	0.42%	0.39%	0.49%	0.73%	0.79%	1.54%	0.74%	0.88%	0.96%	0.81%	0.69%
Thực phẩm và đồ uống	5.36%	5.68%	7.47%	6.89%	8.08%	7.36%	6.48%	5.95%	6.10%	6.65%	8.36%	7.49%	7.01%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.13%	1.33%	1.83%	1.06%	0.62%	0.63%	0.51%	0.52%	0.59%	0.85%	1.02%	1.17%	1.07%
Y tế	0.29%	0.18%	0.26%	0.18%	0.42%	0.33%	0.19%	0.24%	0.19%	0.22%	0.39%	0.30%	0.29%
Bán lẻ	3.01%	3.58%	4.23%	2.97%	3.59%	2.87%	2.78%	2.64%	2.40%	2.80%	3.52%	3.13%	3.09%
Truyền thông	0.07%	0.07%	0.09%	0.08%	0.13%	0.08%	0.08%	0.14%	0.21%	0.20%	0.37%	0.26%	0.20%
Du lịch và Giải trí	3.52%	1.10%	1.15%	1.49%	3.95%	2.37%	1.93%	1.15%	1.04%	1.25%	1.29%	1.23%	1.05%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.87%	3.23%	2.35%	2.54%	1.44%	1.25%	0.88%	1.20%	1.17%	1.40%	2.04%	1.82%	1.50%
Bảo hiểm	0.28%	0.25%	0.39%	0.45%	0.24%	0.56%	0.11%	0.16%	0.23%	0.13%	0.16%	0.19%	0.23%
Bất động sản	20.22%	13.06%	13.59%	15.46%	19.73%	18.82%	20.92%	16.93%	15.88%	17.19%	17.99%	18.30%	18.69%
Dịch vụ tài chính	14.22%	15.06%	11.10%	13.58%	13.73%	16.20%	17.02%	17.21%	17.97%	18.76%	12.76%	12.87%	14.21%
Ngân hàng	24.13%	22.79%	25.26%	28.82%	25.19%	22.37%	24.79%	25.74%	28.69%	23.94%	23.38%	26.12%	27.18%
Công nghệ Thông tin	2.66%	3.51%	5.21%	3.35%	2.45%	3.76%	3.33%	3.76%	2.57%	2.89%	3.61%	4.18%	4.71%

Nguồn: FiinproX, ABS Research

Kết quả kinh doanh các DNNY Quý 1/2026

Tính đến ngày 04/05/2026, đã có 803 doanh nghiệp niêm yết (đại diện khoảng 97% vốn hóa toàn thị trường) công bố BCTC hoặc ước tính sơ bộ KQKD Q1/2026, với tăng trưởng LNST so với cùng kỳ duy trì ổn định, đạt +36,6% svck. Mức tăng trưởng tập trung ở nhóm Phi tài chính với các ngành mang tính chu kỳ như Dầu khí +604% svck, Tài nguyên cơ bản +167%, Bán lẻ +76,8% Thực phẩm +63,4%, Hóa chất +54,1%. Nhóm Tài chính ghi nhận ngành Ngân hàng có mức tăng trưởng thấp nhất trong nhiều quý trở lại đây với +13,3% do chịu áp lực NIM thu hẹp và tăng trưởng tín dụng chậm. Ngược lại, chỉ có duy nhất ngành Công nghệ thông tin giảm nhẹ -2,3% so với cùng kỳ.

Ngành ICB L2	Vốn hóa TTM (Tỷ VND)	LNST Q1/25 (Tỷ VND)	LNST Q1/26 (Tỷ VND)	Tăng trưởng YoY (%)	LNST 2024 (Tỷ VND)	LNST 2025 (Tỷ VND)	Tăng trưởng YoY (%)
Nhóm tài chính							
Ngân hàng	2,720,757	65,709	74,448	13.3%	236,511	281,973	19.22%
Dịch vụ tài chính	597,946	3,600	4,481	24.5%	13,481	32,523	141.25%
Bảo hiểm	92,539	1,717	2,057	19.8%	5,364	6,735	25.57%
Tổng nhóm tài chính	**3,411,242**	**71,026**	**80,987**	**14.0%**	**255,355**	**321,231**	**25.80%**
Nhóm phi tài chính							
Bán lẻ	175,625	2,089	3,693	76.8%	5,791	9,891	70.80%
Bất động sản	2,874,255	29,313	41,917	43.0%	58,397	109,054	86.75%
Công nghệ Thông tin	138,081	2,524	2,466	-2.3%	8,616	10,595	22.97%
Dầu khí	239,703	1,274	8,970	604.1%	6,272	12,397	97.65%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	448,086	6,984	9,421	34.9%	25,353	35,378	39.54%
Du lịch và Giải trí	343,085	4,275	7,016	64.1%	12,735	11,370	-10.71%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	481,778	7,767	9,149	17.8%	37,254	39,909	7.13%
Hàng cá nhân & Gia dụng	76,371	1,887	2,851	51.1%	6,905	8,318	20.45%
Hóa chất	255,265	3,794	5,846	54.1%	13,184	16,571	25.69%
Ô tô và phụ tùng	36,654	201	337	67.5%	861	5,086	490.49%
Tài nguyên Cơ bản	353,768	4,206	11,225	166.9%	15,540	21,517	38.47%
Thực phẩm và đồ uống	717,717	7,476	12,217	63.4%	36,286	44,658	23.07%
Truyền thông	14,969	68	166	142.1%	(458)	456	N/A
Xây dựng và Vật liệu	251,652	2,392	2,648	10.7%	14,008	22,641	61.63%
Y tế	61,866	891	1,015	14.0%	4,036	3,932	-2.59%
Tổng nhóm phi tài chính	**6,801,436**	**75,894**	**119,691**	**57.7%**	**253,316**	**364,612**	**43.94%**
Tổng cộng	**10,212,678**	**146,920**	**200,677**	**36.6%**	**508,671**	**685,844**	**34.83%**

Ghi chú: Dữ liệu được cập nhật từ BCTC Q1/2026 đã công bố của 803 doanh doanh nghiệp niêm yết/đăng ký giao dịch trên 3 sàn HOSE, HNX và UPCoM. Nguồn dữ liệu được cập nhật từ FiinPro tại ngày 04/05/2026.

ABS
TRỌN VẸN TRẢI NGHIỆM ĐẦU TƯ

NHẬN ĐỊNH VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest

Trải nghiệm ngay bảng giá
ABS Web Trading

NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 4/2026

Trong kịch bản xác suất cao của tháng 4, chúng tôi dự báo thị trường tạo vùng hỗ trợ trung hạn thành công ở 1600 điểm, xây dựng cấu trúc đi ngang với biên độ 1600-1880 điểm. Chúng tôi đã chủ động khuyến nghị nhà đầu tư giải ngân vị thế trung hạn ở tuần cuối tháng 3/2026 trong các báo cáo ngày/ tuần. Đối với nhà đầu tư giao dịch ngắn hạn, có thể tăng tần suất giao dịch, dựa trên mốc hỗ trợ - kháng cự sẵn có của cổ phiếu.

- Thực tế, VN-Index trong tháng 4 đã diễn biến đúng như dự báo của chúng tôi, hồi phục trong nghi ngờ xuyên suốt các phiên giao dịch trong tháng 4 lên đến gần vùng đỉnh cũ 1.890 điểm.
- Kết quả danh mục các cổ phiếu chúng tôi khuyến nghị được tổng hợp tại trang sau.

NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 3/2026

- Biến động giá cả danh mục là **+9,5%** theo giá đóng cửa ngày 07/05/2026, và **+12,9%** theo giá cao nhất đạt được trong giai đoạn 2 tháng kể từ ngày ra báo cáo gần nhất, so với giá chạm vùng mua hoặc giá tại ngày báo cáo, trong khi mức biến động của VN-Index tương ứng là **+20,5%** và **+21,3%.** Tuy nhiên cần lưu ý rằng phần lớn diễn biến tăng giá của VN-Index là nhờ các cổ phiếu nhóm Vingroup, nếu loại trừ nhóm này thì VN-Index chỉ tăng tương ứng **3,50%** và **5,10%**.

STT	Mã cổ phiếu	Giá tại ngày ra báo cáo (09/03/2026)	Vùng giá mua đề xuất	Giá thấp nhất chạm vùng KN	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá cắt lỗ	Giá tại ngày 07/05/2026	Tăng/ Giảm (%) so với giá chạm thấp nhất trong vùng KN (hoặc so với giá tại ngày ra báo cáo nếu không có giá chạm vùng KN)	Giá chạm cao nhất tính đến 07/05/2026	Tăng/ Giảm (%) so với giá chạm thấp nhất trong vùng KN (hoặc so với giá tại ngày ra báo cáo nếu không có giá chạm vùng KN)
1	**SHS**	16.60	12-14	n/a	22	24	14.0	17.60	6.0%	18.60	12.0%
2	**HCM**	21.75	16.3 - 18	n/a	23-25	28-30	15.0	28.30	30.1%	28.45	30.8%
3	**SSI**	29.30	23-25	n/a	28-29	32-34	22.0	28.50	-2.7%	30.25	3.2%
4	**VIX**	16.45	13-14	n/a	17-19	20-22	12.0	18.15	10.3%	18.20	10.6%
5	**VPB**	24.80	20-21	n/a	24-25	29-31	19.4	27.90	12.5%	28.25	13.9%
6	**TCB**	29.25	24-25	n/a	29-30	33-36	23.0	33.90	15.9%	34.60	18.3%
7	**EIB**	20.55	16-17	n/a	19-20	25-27	15.0	22.30	8.5%	23.60	14.8%
8	**VCB**	57.30	50-52	n/a	59	65-67	48.0	60.50	5.6%	62.80	9.6%
9	**KDH**	23.95	19-20	n/a	23-25	30-31	18.0	24.45	2.1%	26.55	10.9%
10	**VGC**	42.80	35-38	n/a	44-46	50-51	34.0	44.90	4.9%	47.20	10.3%
11	**DPG**	40.50	32-34	n/a	44-46	52-56	28.0	44.80	10.6%	44.75	10.5%
12	**DHC**	33.95	29-31	n/a	37-39	44-48	27.5	37.20	9.6%	37.30	9.9%
	Trung bình								**9.5%**		**12.9%**
	VN-Index	**1,653**		**1,586**				**1,911.0**	**20.5%**	**1,925.0**	**21.3%**

Nguồn: FireAnt, ABS Research

Ghi chú: Không có sự kiện thực hiện quyền nào trong kỳ

NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 4/2026

- Biến động giá cả danh mục là **+2,1%** theo giá đóng cửa ngày 07/05/2026, và **+7,9%** theo giá cao nhất đạt được trong giai đoạn 1 tháng kể từ ngày ra báo cáo gần nhất, so với giá chạm vùng mua hoặc giá tại ngày báo cáo, trong khi mức biến động của VN-Index tương ứng là **+14,7%** và **+15,6%**. Tuy nhiên cần lưu ý rằng phần lớn diễn biến tăng giá của VN-Index là nhờ các cổ phiếu nhóm Vingroup, nếu loại trừ nhóm này thì VN-Index chỉ tăng **0,38%** và **0,70%**.

STT	Mã cổ phiếu	Giá tại ngày ra báo cáo (09/04/2026)	Vùng giá mua đề xuất	Giá thấp nhất chạm vùng KN	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá cắt lỗ	Giá tại ngày 07/05/2026	Tăng/ Giảm (%) so với giá chạm thấp nhất trong vùng KN (hoặc so với giá tại ngày ra báo cáo nếu không có giá chạm vùng KN)	Giá chạm cao nhất tính đến 07/05/2026	Tăng/ Giảm (%) so với giá chạm thấp nhất trong vùng KN (hoặc so với giá tại ngày ra báo cáo nếu không có giá chạm vùng KN)	Ghi chú
1	DXG	15.20	14.5-16	14.5	19-21	23	13.0	15.85	9.3%	15.80	9.0%	
2	HDC	19.20	18-19	18.5	23-24	28	16.0	19.20	4.1%	19.20	4.1%	
3	CEO	17.30	15.5-17	16.9	23-24		14.0	17.80	5.3%	17.80	5.3%	
4	HDG	28.30	25-27	25.6	32	35	24.0	25.80	1.0%	28.65	12.1%	
5	NLG	29.40	28-30	28.0	34	36-38	25.0	27.50	-1.8%	29.40	5.0%	
6	VGS	24.30	22-24	24.0	29-31	33-35	21.0	24.30	1.3%	25.40	5.8%	
7	HPG	28.25	26-27	n/a	32-34		24.0	27.70	-1.9%	28.55	1.1%	
8	NKG	14.40	13.4-14	n/a	16	18	12.3	14.30	-0.7%	15.05	4.5%	
9	HSG	15.45	14-15	12.5	17-18	20	13.0	12.65	4.4%	16.40	31.7%	Cổ tức bằng CP, tỷ lệ 30%
10	VIX	18.00	17-18	17.0	21-23	25	15.2	18.15	6.8%	18.20	7.1%	
11	BVS	27.50	25-27	25.5	31-32	35	23.0	26.60	4.3%	27.60	8.2%	
12	TCX	51.70	49-52	49.8	57	59	46.0	51.60	3.7%	52.50	5.5%	
13	ORS	13.65	12.5-13.5	13.2	16-18	59	12.0	13.50	2.7%	13.85	5.3%	
14	BID	40.60	38-40	n/a	48-51		36.0	41.05	1.1%	41.60	2.5%	
15	SHB	15.50	14-15	14.0	17-18	22	13.0	14.15	1.1%	15.55	11.1%	
16	VIB	17.15	16-17	16.0	19-20		15.0	16.20	1.5%	17.75	10.7%	Cổ tức bằng tiền, 900đ
17	VTP	73.50	68-72	68.0	87-88		64.0	67.20	-1.2%	73.50	8.1%	
18	VGI	91.90	80-83	n/a	106		78.0	89.40	-2.7%	96.90	5.4%	
	Trung bình								**2.1%**		**7.9%**	
	VN-Index	**1,737**		**1,665**				**1,911.0**	**14.7%**	**1,925.0**	**15.6%**	

Nguồn: FireAnt, ABS Research

Phân tích kỹ thuật:

Các thị trường tài chính hàng thế giới thể hiện khả năng tăng giá tốt trong tháng 4, hấp thụ thông tin xấu từ xung đột Trung Đông cùng ảnh hưởng của giá dầu tăng cao.

Đóng cửa phiên giao dịch của tháng 4, chỉ số VN-Index diễn biến tích cực với biên độ tăng giá lớn 179.61 điểm (+10.73%). Khối lượng giao dịch bình quân được cải thiện khá rõ. Dòng tiền đã có sự luân chuyển hợp lý giữa các nhóm ngành quan trọng của thị trường. Sức mạnh chung của thị trường được thể hiện thông qua sự dẫn dắt tăng giá đến từ nhóm cổ phiếu dẫn sóng là hệ sinh thái Vingroup, trong khi nhóm Ngân hàng, Chứng khoán, Thép, Bất động sản... giữ vững hỗ trợ quan trọng. Cổ phiếu vận động trong trạng thái xây dựng vùng cân bằng của giá và nâng dần cấu trúc giá. Đây là diễn biến tích cực đối với vận động tăng giá của TTCK trong giai đoạn sắp tới.

Chúng tôi đánh giá xu hướng tổng quan tương đối tích cực cho giai đoạn tới tiếp theo trong vị thế của xu hướng dài hạn đang phát triển đi lên. Xu hướng trung hạn sau khi điều chỉnh, đang cho tín hiệu kỹ thuật tích cực trở lại.

Với đánh giá tổng quan trên, chúng tôi khảo sát các xu hướng bên ngắn hạn và trung hạn trên cơ sở của xu hướng dài hạn tăng như sau:

Đánh giá xu hướng trong giai đoạn tới:

Xu hướng trung hạn: Trên biểu đồ tuần, VN-Index tạo đáy thành công tại vùng 1586-1606 điểm, xây dựng nền giá hỗ trợ vững chắc, tạo ra cấu trúc tăng giá . Động lượng tăng giá khá tốt, dòng tiền có sự đỡ giá, mua gom đối với các nhóm cổ phiếu Ngân hàng, Bất động sản, Chứng khoán, Thép, Vận tải... trong tháng 4.

Bên cạnh đó, dòng tiền đã có sự lan tỏa dần tới các nhóm cổ phiếu Midcap, Smallcap trên thị trường.

Đối với xu hướng trung hạn, yếu tố tích cực đang thể hiện khá rõ sau nửa cuối tháng 4, khi chỉ số VN-Index bứt phá qua 1750 điểm. Vị thế của giá trên khung trung hạn cho thấy xu hướng đang phát triển tích cực, khi giá nằm trên các đường trung bình trượt MA10 tuần. MACD duy trì trạng thái cắt lên củng cố yếu tố tăng giá bền vững.

Hỗ trợ của xu hướng tăng trung hạn được thiết lập mốc: 1606-1586 điểm.

Xu hướng ngắn hạn: Xu hướng ngắn hạn: Tăng, do giá tăng tốt trong tháng 4, cấu trúc thị trường hình thành đỉnh và đáy sau cao hơn đỉnh và đáy trước, chỉ số MACD giao cắt lên, thể hiện khá rõ cấu trúc tăng giá.

Vị thế của giá duy trì nằm trên trung bình trượt ngắn hạn (MA10 ngày), khối lượng giao dịch tuy chưa cao nhưng đã có sự cải thiện dần, dòng tiền giao dịch tuy chưa bùng nổ do tâm lý nghi ngờ. Khi thị trường vượt đỉnh 1920 điểm, dòng tiền này sẽ có sự thay đổi lớn ở giai đoạn đầu cơ giá tăng.

Hỗ trợ của xu hướng tăng ngắn hạn: 1586-1606 điểm.

Kết luận: Chỉ số VN-Index đã xác nhận diễn biến khá tích cực trên các khung thời gian ngắn hạn và trung hạn. Thị trường chờ đợi yếu tố tăng đồng pha xác nhận khi giá bứt phá qua đỉnh 1920 điểm, tạo xu hướng tăng rõ ràng.

Sự vận động của thị trường chung và các lớp cổ phiếu củng cố luận điểm VN-Index tiếp diễn đà tăng giá tới vùng gần nhất 1950-2018 điểm.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 5/2026

Phân tích kỹ thuật (tiếp):

Với dự báo xu hướng của giai đoạn tới, chúng tôi đưa ra mức hỗ trợ - kháng cự như sau:

Các vùng hỗ trợ và kháng cự:

- Kháng cự 1: 1950 - 1980
- Kháng cự 2: 2.084 – 2.154
- Hỗ trợ 1: 1.586 – 1.606

Các yếu tố vĩ mô

- Sau quý 1 tăng trưởng mạnh mẽ, nền kinh tế thực duy trì đà tăng trong tháng 4 với sản xuất công nghiệp tiếp tục mở rộng tháng thứ 10 liên tiếp (theo chỉ số PMI) trong khi chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 9,9% svck.
- Giải ngân vốn đầu tư công trong 4 tháng đầu năm tăng khoảng 9,2% svck. Nguồn lực nhà nước tại nhiều dự án hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng giao thông, cầu cảng... đóng vai trò như yếu tố kích hoạt, vốn mồi thu hút vốn đầu tư tư nhân, vốn FDI vào phát triển hạ tầng. Trong khi đó, FDI tiếp tục ghi nhận tín hiệu tích cực cả về đăng ký và giải ngân, phản ánh sức hấp dẫn của Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam phát triển hạ tầng công nghiệp.
- Xung đột tại Trung Đông cùng với tiến độ tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng đã khiến lạm phát gia tăng, do sức ép từ cả hai phía chi phí đẩy và cầu kéo. Giá dầu tăng mạnh cùng việc đứt gãy chuỗi cung ứng làm tăng chi phí nhiên liệu, vận tải, sản phẩm hóa dầu... lan tỏa ra các mặt hàng và dịch vụ khác, trong khi nhiều loại nguyên vật liệu xây dựng tăng giá do nhu cầu tăng mạnh.
- Đồng thời, với điểm yếu là dự trữ dầu khí ở thấp khiến Việt Nam phải tăng mạnh nhập khẩu xăng dầu và khí đốt trong tháng 3 và tháng 4 nhằm đảm bảo an ninh năng lượng. Doanh nghiệp vẫn duy trì nhập khẩu tư liệu sản xuất phục vụ các đơn hàng hiện hữu (chiếm 94,2% tổng giá trị nhập khẩu trong 4 tháng đầu năm), trong khi khả năng tạo đơn hàng mới suy yếu dưới áp lực chi phí tăng. Nhập siêu vì thế ghi nhận tháng thứ 5 liên tiếp, với tổng giá trị 4 tháng đầu năm ở mức cao 7,11 tỷ USD.
- Trước tình hình khó khăn đó, chỉ trong chưa đầy một tháng kể từ khi Chính phủ mới đi vào vận hành đã có những biện pháp điều hành hiệu quả. Trước hết, chính phủ đã có nhiều giải pháp gia tăng nguồn cung, đồng thời thực hiện bình ổn giá các sản phẩm xăng dầu khiến giá xăng dầu trong nước duy trì thấp hơn các nước xung quanh và giảm mạnh từ giữa tháng 4. Thứ hai, lãi suất huy động đã đồng loạt giảm trong tháng 4, đặc biệt sau cuộc họp của Ngân hàng Nhà nước với các ngân hàng thương mại nhằm thống nhất chủ trương hạ lãi suất của các ngân hàng. Thứ ba, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 29, được kỳ vọng sẽ tháo gỡ các vướng mắc pháp lý kéo dài đối với nhiều dự án tồn đọng, qua đó khơi thông nguồn lực đất đai và hỗ trợ thị trường bất động sản, đầu tư và xây dựng phục hồi. Thứ tư, về cải cách môi trường kinh doanh, ngày 29/4 vừa qua, Chính phủ mới đã ban hành 8 nghị quyết với quy mô cắt giảm hơn 530 thủ tục hành chính và bãi bỏ gần 890 điều kiện kinh doanh. Đây được đánh giá không chỉ là một động thái cải cách hành chính thông thường, mà là một bước chuyển có tính cấu trúc trong tư duy quản trị quốc gia. Thứ năm, ngưỡng chịu thuế với hộ kinh doanh được nâng lên 01 tỷ đồng/năm, được kỳ vọng giúp giảm gánh nặng thuế cho hộ kinh doanh nhỏ và siêu nhỏ, hỗ trợ khu vực kinh tế cá thể mở rộng hoạt động và thúc đẩy tiêu dùng nội địa. Ngoài ra, chính phủ cũng chỉ đạo quyết liệt triển khai, thể chế hóa, cụ thể hóa kịp thời, đồng bộ các nghị quyết của Bộ Chính trị, Quốc hội...

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 5/2026

Các yếu tố vĩ mô (tiếp):

- ABS Research tin rằng Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ trong các quý tới, đạt mức tăng GDP 9-9,5% cho cả năm 2026, với trở ngại chính hiện đang nằm ở các chỉ số vĩ mô như lạm phát, tỷ giá, lãi suất...
- Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng các nguyên nhân gây ra các trở ngại sẽ sớm được giải quyết. Chênh lệch tín dụng – huy động đang được thu hẹp trong hệ thống ngân hàng và dự báo mặt bằng lãi suất có thể được hạ thêm trong tháng 5.
- Yếu tố quan trọng nhất mà thị trường thế giới đang trông chờ là triển vọng Mỹ và Iran sớm đạt được thỏa thuận về việc chấm dứt xung đột, theo chúng tôi là rất khả thi. Khi eo biển Hormuz được giải tỏa, cùng với việc Mỹ, UAE và các nước OPEC tăng lượng cung dầu như trong thời gian vừa qua, thị trường kỳ vọng giá dầu thế giới sẽ giảm đáng kể, giúp giảm áp lực lạm phát trên toàn thế giới. Trên cơ sở đó, các ngân hàng trung ương các nền kinh tế lớn có thể đẩy nhanh tiến trình cắt giảm lãi suất điều hành. Giá dầu giảm, áp lực tăng nhập khẩu xăng dầu và nguyên vật liệu sản xuất giảm bớt, giá vàng và DXY suy yếu có thể giúp giảm áp lực lạm phát, lãi suất và tỷ giá đối với Việt Nam trong thời gian tới, trong khi cải thiện sức cầu và biên lợi nhuận của hàng hóa Việt Nam.
- Triển vọng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết trong phần còn lại của năm dự kiến phân hóa. Áp lực từ chi phí sản xuất và lãi suất tăng cao dự kiến sẽ phản ánh rõ nét hơn, khiến thu hẹp biên lợi nhuận và doanh thu bán hàng, đặc biệt tại các doanh nghiệp có đòn bẩy tài chính cao, sử dụng nhiều yếu tố sản xuất và bán hàng liên quan đến xăng dầu, sản phẩm hóa dầu, vận tải... NIM các ngân hàng cũng chịu áp lực suy giảm trước áp lực cân đối nguồn vốn và nợ xấu có xu hướng tăng.
- Trong khi đó, có nhiều ngành hàng dự kiến tiếp tục có triển vọng lợi nhuận tích cực trong các quý tới nhờ hưởng lợi từ tình hình hiện nay. Tiêu biểu như các ngành: (i) Hưởng lợi từ đầu tư công và thị trường bất động sản tăng nguồn cung như Xây dựng, Vật liệu xây dựng (Thép, Xi măng,..), (ii) Hưởng lợi từ giá dầu tăng như Dầu khí thượng nguồn, Lọc hóa dầu, Khai thác và phân phối khí, Cao su tự nhiên...(iii) Các ngành hàng mà các nước xuất khẩu lớn duy trì lệnh cấm xuất khẩu trong khi Việt Nam có năng lực sản xuất như Phân bón... (iv) Các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng BOT hưởng lợi nhờ giao thông dịch chuyển từ hàng không sang đường bộ do giá vé máy bay cao, (v) Ngành điện tăng sản lượng huy động để đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt khi El Nino dự kiến quay trở lại từ Q2/2026, (vi) Một số ngân hàng lớn hưởng lợi từ quy định mới của Thông tư sửa đổi Thông tư 22, và chính sách ưu đãi về hạn mức tăng trưởng tín dụng cho tiếp nhận các ngân hàng tái cơ cấu; (vii) Ngành BĐS KCN và Cảng biển tiếp tục hưởng lợi từ xu hướng FDI lĩnh vực sản xuất, xuất nhập khẩu gia tăng và việc tăng ~10% giá bốc dỡ tại các cảng nước sâu; (viii) Các doanh nghiệp thành công trong việc mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc tăng cường xuất khẩu tại các thị trường nước ngoài giàu tiềm năng như trong ngành viễn thông, công nghệ thông tin, bán lẻ, xây lắp... (ix) Các công ty chứng khoán hưởng lợi từ dư nợ cho vay ký quỹ tiếp tục gia tăng và việc thị trường nâng hạng. Và cuối cùng là các ngành/doanh nghiệp có khả năng được định giá lại tích cực hơn nhờ các thương vụ IPO và M&A của công ty con hoặc của đối thủ trong ngành.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 5/2026

Các yếu tố vĩ mô (tiếp):

- Về mặt định giá, P/E dự phóng của VN-Index ở mức khoảng 13,4x, tương đương mức trung bình dài hạn. Nếu loại trừ nhóm cổ phiếu Vingroup thì P/E ở mức 10,5x, vẫn là mức hấp dẫn cho đầu tư trung dài hạn.
- Trong tháng 5, nhiều thông tin tốt liên tục xuất hiện giúp cải thiện sức hút của thị trường Việt Nam với dòng vốn quốc tế, như việc hãng định mức tín nhiệm uy tín Moody's vừa nâng triển vọng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam từ 'ổn định' lên 'tích cực'. Đồng thời, có nhiều thông tin cho rằng Việt Nam có thể được vào danh sách theo dõi (Watch List) của MSCI trong kỳ đánh giá tháng 6/2026, khi Việt Nam đã đạt được 10/18 tiêu chí về khả năng tiếp cận thị trường và đang tích cực cải thiện các tiêu chí còn lại.
- Trong khi đó, dòng tiền nội sẽ được cải thiện nhờ áp lực vĩ mô được giải tỏa phần nào như đã đề cập phía trên. Ngoài ra, nếu Thông tư 22 được sửa đổi với các quy định và lộ trình áp dụng hợp lý cũng có thể cải thiện thanh khoản cho thị trường.

Dự báo diễn biến VN-Index trong tháng 5/2026:

Căn cứ vào các yếu tố đề cập phía trên, chúng tôi đề xuất 2 kịch bản như sau:

➢ **Kịch bản 1:**

Thị trường đang có diễn biến phát triển theo Kịch bản 2 trong Báo cáo chiến lược tháng 4/2026 của chúng tôi. Chúng tôi kỳ vọng chỉ số VN-Index sớm vượt qua đỉnh cũ 1920 điểm, tích lũy trên vùng đỉnh với dòng tiền lan tỏa và thanh khoản gia tăng, củng cố đà tăng hướng tới mục tiêu gần nhất ở quanh vùng Kháng cự 2 (2084 - 2145 điểm).

➢ **Kịch bản 2:**

Trong trường hợp xung đột tại Trung Đông tiếp tục kéo dài gây tác động tiêu cực đến triển vọng kinh tế thế giới, thị trường có thể quay lại kiểm định hỗ trợ 1750-1800 điểm. Có thể coi đây là vùng đánh giá sức mạnh tăng của xu hướng và nhịp điều chỉnh là nhịp rũ bỏ trong xu hướng tăng.

➢ **Khuyến nghị:**

Thị trường đang vận động theo diễn biến Kịch bản 2 của Báo cáo chiến lược tháng 4/2026, khi vượt qua 1750-1780 điểm. ABS Research đã chủ động khuyến nghị giải ngân vị thế trung hạn ở tuần cuối tháng 3/2026 và trong cả tháng 4/2026.

Yếu tố rủi ro đối với cổ phiếu giảm đi đáng kể, khá an toàn cho việc tiếp tục gia tăng vị thế nắm giữ trung hạn khi thị trường chung còn đang nghi ngờ xu hướng tăng. Nhà đầu đã giải ngân vị thế theo báo cáo tháng 3,4 hoàn toàn có thể nắm giữ hoặc gia tăng cổ phiếu phù hợp đối với mục tiêu phù hợp.

Đối với nhà đầu tư giao dịch ngắn hạn, có thể tăng tần suất giao dịch dựa trên mốc hỗ trợ - kháng cự sẵn có của cổ phiếu. Ưu tiên giao dịch đối với cổ phiếu hình thành đáy sau nâng dần trên khung ngắn hạn.

Các doanh nghiệp có triển vọng KQKD tích cực, cơ cấu tài chính lành mạnh, cổ tức cao, định giá hợp lý và các cổ phiếu có triển vọng được dòng vốn ngoại mua vào khi thị trường được nâng hạng... là các cổ phiếu đáng chú ý.

Danh mục cổ phiếu khuyến nghị của ABS Research trong tháng 5/2026 được trình bày ở phần sau của báo cáo này.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 5/2026

Nguồn: ABS Research

DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 5/2026

- Danh mục tiếp tục khuyến nghị **NẮM GIỮ** trong tháng 5/2026.

STT	Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Giá tại ngày khuyến nghị	Vùng giá mua đề xuất	Giá thấp nhất chạm vùng KN	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá cắt lỗ	Ghi chú
1	SHS	9/3/2026	16.6	14-Dec	n/a	22	24	14	
2	HCM	9/3/2026	21.75	16.3 - 18	n/a	23-25	28-30	15	
3	SSI	9/3/2026	29.3	23-25	n/a	28-29	32-34	22	
4	VIX	9/3/2026	16.45	13-14	n/a	17-19	20-22	12	
5	VPB	9/3/2026	24.8	20-21	n/a	24-25	29-31	19.4	
6	TCB	9/3/2026	29.25	24-25	n/a	29-30	33-36	23	
7	EIB	9/3/2026	20.55	16-17	n/a	19-20	25-27	15	
8	VCB	9/3/2026	57.3	50-52	n/a	59	65-67	48	
9	KDH	9/3/2026	23.95	19-20	n/a	23-25	30-31	18	
10	VGC	9/3/2026	42.8	35-38	n/a	44-46	50-51	34	
11	DPG	9/3/2026	40.5	32-34	n/a	44-46	52-56	28	
12	DHC	9/3/2026	33.95	29-31	n/a	37-39	44-48	27.5	
13	DXG	9/4/2026	15.2	14.5-16	14.5	19-21	23	13	
14	HDC	9/4/2026	19.2	18-19	18.5	23-24	28	16	
15	CEO	9/4/2026	17.3	15.5-17	16.9	23-24		14	
16	HDG	9/4/2026	28.3	25-27	25.6	32	35	24	
17	NLG	9/4/2026	29.4	28-30	28	34	36-38	25	
18	VGS	9/4/2026	24.3	22-24	24	29-31	33-35	21	
19	HPG	9/4/2026	28.25	26-27	n/a	32-34		24	
20	NKG	9/4/2026	14.4	13.4-14	n/a	16	18	12.3	
21	HSG	9/4/2026	15.45	14-15	12.5	17-18	20	13	Đã trả cổ tức bằng CP, tỷ lệ 30%
22	VIX	9/4/2026	18	17-18	17	21-23	25	15.2	
23	BVS	9/4/2026	27.5	25-27	25.5	31-32	35	23	
24	TCX	9/4/2026	51.7	49-52	49.8	57	59	46	
25	ORS	9/4/2026	13.65	12.5-13.5	13.2	16-18	59	12	
26	BID	9/4/2026	40.6	38-40	n/a	48-51		36	
27	SHB	9/4/2026	15.5	14-15	14	17-18	22	13	
28	VIB	9/4/2026	17.15	16-17	16	19-20		15	Đã trả cổ tức bằng tiền, 900đ/cp
29	VTP	9/4/2026	73.5	68-72	68	87-88		64	
30	VGI	9/4/2026	91.9	80-83	n/a	106		78	

DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ MUA MỚI TRONG THÁNG 5/2026

07/05/2026	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
HHS	13.3	11.7-12.3	15-16	n/a	n/a	11.2	29.2%	Triển vọng KQKD thời gian tới của HHS tích cực nhờ sự đóng góp lớn của mảng BĐS khi thời gian vừa qua doanh nghiệp đã ghi nhận doanh số bán hàng lớn với dự án Hoàng Huy New City II, dự kiến sẽ bàn giao từ Q2/2026. Ngoài ra, mảng ô tô của HHS dự kiến tiếp tục ổn định với việc HHS là nhà phân phối độc quyền xe tải Dongfeng, được kỳ vọng sẽ hưởng lợi nhờ lợi thế cạnh tranh về giá và danh mục sản phẩm phù hợp nhu cầu thị trường.
DXS	7.7	7.2-7.8	9-10	n/a	n/a	6.8	26.7%	Triển vọng khả quan trong năm 2026 của DXS sẽ đến từ các yếu tố: (i) Lượng giao dịch BĐS dự kiến sẽ duy trì tương đối ổn định, mặc dù các thách thức hiện tại của thị trường có thể sẽ khiến người mua nhà trì hoãn quyết định xuống tiền và tiến độ mở bán của các chủ đầu tư chậm lại trong ngắn hạn, chúng tôi kỳ vọng hoạt động BĐS nhìn chung sẽ lấy lại đà tăng trưởng trong nửa cuối năm 2026. Ngoài ra, số dư đặt cọc lớn 5,8 nghìn tỷ đồng (+19% svck) tại cuối năm 2025 cho thấy doanh nghiệp đang có một danh mục dự án với quy mô lớn, có khả năng được chuyển hóa thành doanh thu khi điều kiện thị trường cải thiện. Bên cạnh đó, việc mở bán lại dự án The Privé và Gem Sky World của DXG sẽ hỗ trợ doanh thu mảng môi giới cho DXS.
CII	18.8	16-17	20-22	n/a	44.1	15.0	27.3%	Mảng thu phí BOT với dòng tiền ổn định vẫn là động lực tăng trưởng quan trọng của CII. 2 dự án BOT quan trọng nhất là BOT cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận và BOT đầu tư mở rộng Xa lộ Hà Nội sẽ hỗ trợ tăng trưởng nhờ lưu lượng xe dự kiến tiếp tục gia tăng. Bên cạnh đó, CII cũng đang triển khai giai đoạn chuẩn bị và khởi công xây dựng 2 dự án BOT mới có quy mô lớn. Đặc biệt là dự án BOT mở rộng cao tốc TP.HCM – Trung Lương – Mỹ Thuận, với quy mô vốn lên đến hơn 41.000 tỷ đồng, dự kiến thông xe và đóng góp vào KQKD từ cuối năm 2028. Ngoài ra, mảng BĐS của CII với một số dự án tại Thủ Thiêm có nhiều động thái tích cực gần đây khi Nghị quyết 91 được ban hành để tháo gỡ vướng mắc pháp lý liên quan xác định giá đất chuyển đổi.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 5/2026

07/05/2026	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
CTD	82.8	74-77	88-92	n/a	96.8	71.0	19.2%	CTD nắm giữ vị thế tổng thầu xây dựng hàng đầu trong ngành, với lượng backlog lớn. Giá trị backlog cuối Q2/NĐTC 2026 của CTD ở mức cao nhất trong lịch sử, khoảng 62,5 nghìn tỷ đồng nhờ đóng góp của cả 3 phân khúc xây dựng: dân dụng (~70%), công nghiệp (~20%) và hạ tầng (~10%) giúp đảm bảo tăng trưởng doanh thu thời gian tới. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng mở rộng mảng kinh doanh sang các dự án hạ tầng trong bối cảnh loạt công trình hạ tầng lớn đang được Chính phủ tập trung triển khai như các công trình phục vụ APEC 2027 (gói thầu 4.500 tỷ đồng), Cảng hàng không quốc tế Gia Bình (tham gia thi công những hạng mục quan trọng của sân bay quốc tế Gia Bình với tổng vốn đầu tư hơn 196.3 ngàn tỷ đồng), ...CTD cũng sở hữu tình hình tài chính lành mạnh, nhiều dư địa tăng vay nợ hỗ trợ mở rộng kinh doanh.
DPR	42.1	40-41	45 46	n/a	33.4	39.0	12.3%	Thị trường cao su thiên nhiên ghi nhận diễn biến tích cực về mặt giá bán trong thời gian gần đây, trong bối cảnh giá dầu thế giới biến động mạnh do căng thẳng địa chính trị tại khu vực Trung Đông. Đây là một trong những yếu tố hỗ trợ giá cao su, khi chi phí sản xuất cao su tổng hợp – vốn phụ thuộc vào các dẫn xuất từ dầu mỏ – có xu hướng gia tăng cùng với giá dầu, qua đó cải thiện tính cạnh tranh của cao su thiên nhiên. Theo đó, mảng kinh doanh cao su và thanh lý cây sẽ tiếp tục là động lực nền tảng cho KQKD năm 2026 của DPR. Với mảng KCN, 2 KCN Bắc Đồng Phú mở rộng và Nam Đồng Phú mở rộng của DPR được kỳ vọng sẽ bắt đầu cho thuê và đóng góp vào KQKQ từ năm 2027 và 2028. DPR cũng là doanh nghiệp có nền tảng tài chính an toàn và đòn bẩy thấp.
GVR	36.0	33-35	39-43	n/a	n/a	32.0	20.6%	GVR ghi nhận KQKD Q1/2026 tích cực với doanh thu đạt 8,8 nghìn tỷ đồng (+56% svck, +2% QoQ) và LNST của cổ đông Công ty mẹ đạt 2,3 nghìn tỷ đồng (+90% svck, +224% QoQ), theo đó hoàn thành lần lượt 26% kế hoạch doanh thu và 45% kế hoạch lợi nhuận cả năm 2026. Lợi nhuận tăng mạnh chủ yếu nhờ kết quả khả quan của mảng cao su (khi giá cao su thiên nhiên tăng mạnh do ảnh hưởng của giá dầu cao) và thu nhập thuần khác cao hơn từ đền bù đất và thanh lý cây trồng. Mặt bằng giá cao su ở mức cao sẽ tiếp tục hỗ trợ mảng cao su thời gian tới của GVR. Thu nhập từ đền bù đất cao su dự kiến cũng tiếp tục tích cực với kỳ vọng đẩy nhanh quá trình chuyển đổi đất cao su sang đất KCN tại Đồng Nai và Bình Dương (cũ).

DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 5/2026

07/05/2026	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
ACV	44.6	44-45	49- 51	n/a	n/a	42.0	12.4%	• KQKD Q1/2026: Doanh thu tăng nhẹ svck, đạt 6.841 tỷ đồng (+7,7% svck), LNST của cổ đông Công ty mẹ đạt 2.680 tỷ đồng (+2,7% svck). • Chúng tôi cho rằng triển vọng của ACV trong năm 2026 dựa vào các yếu tố: - ACV vẫn là doanh nghiệp khai thác phần lớn các cảng hàng không, hạ tầng khu tầng khu bay ở Việt Nam. - Triển vọng dài hạn của ACV được hỗ trợ bởi chu kỳ mở rộng hạ tầng hàng không đến năm 2030, với trọng tâm là dự án sân bay Long Thành giai đoạn 1 cùng hàng loạt dự án sân bay mới và mở rộng theo quy hoạch quốc gia. - Nghị quyết 79 về kinh tế Nhà nước kỳ vọng tạo cơ chế linh hoạt cho DN có vốn nhà nước trong việc tái cấu trúc, mở rộng hợp tác đầu tư, nâng cao hiệu quả và năng lực quản trị. - Chúng tôi lưu ý rủi ro tăng trưởng hành khách chậm lại nếu giá vé máy bay tăng do biến động giá nhiên liệu từ căng thẳng địa chính trị. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng chịu áp lực cạnh tranh từ sân bay Gia Bình trong dài hạn và rủi ro lỗ tỷ giá do dư nợ vay bằng JPY.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 5/2026

07/05/2026	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
VSH	43.5	41-43	46-48	n/a	46,5	40.0	11.9%	• Kinh tế dự báo tăng trưởng mạnh mẽ ~10%/năm trong giai đoạn từ năm 2026 đến 2030 sẽ làm tăng nhu cầu sử dụng điện năng, ước tính cứ 1% tăng GDP sẽ khiến nhu cầu tiêu thụ điện tăng 1,3-1,5%. • Điều kiện thủy văn dự báo tiếp tục thuận lợi trong Q2-Q3/2026. Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, trạng thái ENSO trung tính trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 5/2026 có xác suất khoảng 75-85%. Từ nửa cuối năm, khả năng xuất hiện El Nino bắt đầu gia tăng, với xác suất khoảng 55-65%. Chúng tôi đánh giá KQKD Q2 & Q3/2026 của VSH có thể vẫn tiếp tục khả quan khi: i) ENSO trung tính tiếp tục hỗ trợ điều kiện thủy văn trong nửa đầu năm; ii) Tây Nguyên bước vào mùa mưa, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu lượng nước về hồ; iii) Nếu El Nino xuất hiện từ nửa cuối năm, tác động ban đầu có thể chưa quá đáng kể do các hồ chứa vẫn còn lượng nước tích trữ từ giai đoạn trước. Ngoài ra, trong vài năm gần đây, El Nino thường đi kèm với lượng mưa lớn từ các cơn bão nhiệt đới, giúp cải thiện lưu lượng nước các hồ chứa thủy điện sau các cơn bão. • Chi phí tài chính giảm mạnh, hỗ trợ KQKD. Nợ vay của VSH (chủ yếu là nợ vay dài hạn, phần lớn là cho dự án Thượng Kon Tum) có xu hướng giảm mạnh -21,8% từ 3.353 tỷ đồng (cuối năm 2024) về còn 2.622 tỷ đồng (cuối Q1/2026). Điều này giúp chi phí lãi vay năm 2025 giảm mạnh -27,8% svck và Q1/2026 tiếp tục giảm -13% svck, qua đó cải thiện đáng kể biên lợi nhuận và tạo dư địa tăng trưởng lợi nhuận cho doanh nghiệp trong các năm tới. • Tiềm năng dài hạn từ điện NLTT. VSH đang nghiên cứu Dự án điện mặt trời Sông Hinh, dự kiến hoàn tất các thủ tục đầu tư trong năm 2026 và phát điện vào 2027-2028. Dự án được kỳ vọng sẽ giúp doanh nghiệp đa dạng hóa cơ cấu nguồn điện, mở rộng dư địa tăng trưởng dài hạn trong bối cảnh xu hướng chuyển dịch sang NLTT ngày càng rõ nét và nhu cầu điện sạch tại Việt Nam tiếp tục gia tăng.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 5/2026

07/05/2026	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
GMD	79.6	73-76	79-81	n/a	n/a	70.0	7.4%	KQKD Q1/2026 tích cực với doanh thu thuần đạt 1.452 tỷ đồng (+13,7% svck), LNST MI đạt 534 tỷ đồng (+32,5% svck). Mức tăng trưởng này nhờ việc tăng giá cước xếp dỡ tại cảng và giá cước cho thuê tàu duy trì ở mức cao. Cụ thể hoạt động khai thác cảng (+13% svck) lên mức 1.283 tỷ đồng và dịch vụ logistics +23% svck, đạt 170 tỷ đồng. Triển vọng của GMD trong năm 2026 được đánh giá là tích cực nhờ các yếu tố: • Sản lượng hàng hóa thông cảng dự kiến tích cực, với động lực mới từ cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 3 (nâng tổng công suất toàn cụm lên trên 2 triệu TEU/năm, tăng +54,2% svck), qua đó hỗ trợ tăng trưởng doanh thu. • Tăng giá cước bốc dỡ hàng hóa tại cảng nước sâu Gemalink giúp tăng lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết. Bộ Xây dựng vừa ban hành quyết định sửa đổi Điều 7 Quyết định 810/QĐ-BGTVT về khung giá dịch vụ bốc dỡ container tại cảng biển Việt Nam, theo đó giá bốc dỡ container tại Lạch Huyện và Cái Mép – Thị Vải được điều chỉnh tăng khoảng 10%, có hiệu lực từ ngày 1/2/2026. • Động lực tăng trưởng trung – dài hạn đến từ mở rộng Gemalink. Gemalink giai đoạn 2A có công suất thiết kế 950.000 TEU/năm. Đến nay dự án đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục pháp lý và chuẩn bị triển khai xây dựng từ Q2/2026, dự kiến đưa vào khai thác trong năm 2027.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 5/2026

07/05/2026	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
HAH	56.6	53-56	62-67	n/a	n/a	49.0	18.3%	Q1/2026, HAH tiếp tục ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực với doanh thu thuần đạt 1.265 tỷ đồng (+8,2% svck), LNST MI đạt 300 tỷ đồng (+28,6% svck), tốc độ tăng trưởng đã chậm lại so với quý cùng kỳ khi hoạt động khai thác tàu (chiếm tỷ trong lớn trong doanh thu) ghi nhận giảm -2% so với cùng kỳ, đạt 1.272 tỷ đồng. Triển vọng của HAH trong năm 2026 vẫn được duy trì tích cực nhưng tốc độ tăng trưởng sẽ chậm lại: • Động lực chính vẫn đến từ mảng khai thác tàu, đặc biệt là hoạt động cho thuê định hạn khi các hợp đồng hết hạn có khả năng tái ký ở mức giá cao, trong bối cảnh giá thuê tàu vẫn duy trì tốt dù giá cước giao ngay đã giảm mạnh. Đồng thời, mảng tự khai thác được hỗ trợ bởi gia tăng công suất đội tàu, mở rộng các tuyến nội Á và triển vọng xuất nhập khẩu tiếp tục tăng trưởng, giúp sản lượng vận chuyển duy trì ổn định. • Ngoài ra, HAH tiếp tục hưởng lợi từ vị thế dẫn đầu thị phần nội địa (~27–28%) và hệ sinh thái logistics (liên kết với VSC), qua đó tối ưu hiệu suất khai thác và nâng cao năng lực cạnh tranh. Tuy nhiên, rủi ro cần lưu ý là giá cước vận tải biển vẫn chịu áp lực do dư cung đội tàu toàn cầu, khiến tăng trưởng doanh thu không còn đột biến và buộc doanh nghiệp tập trung vào tối ưu hiệu quả thay vì mở rộng mạnh quy mô.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 5/2026

07/05/2026	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
TCL	34.3	33-34	37 -38	n/a	n/a	31.0	11.9%	• KQKD Q1/2026 tiếp tục tăng trưởng 2 chữ số với doanh thu thuần của TCL đạt 442 tỷ đồng (+26,9% svck), LNST MI đạt 31,3 tỷ đồng (+19,1% svck). Trong Q1/2026 công ty không ghi nhận nợ vay, khoản mục tiền và các khoản tiền gửi dồi dào, đặc biệt khoản chi phí xây dựng dở dang tăng mạnh gấp 2 lần lên mức 60 tỷ đồng do đầu tư xây dựng kho lạnh. • Triển vọng của TCL trong năm 2026 ở mức khá tích cực nhưng không có sự bứt phá. Công ty đã công bố kế hoạch doanh thu và thu nhập tăng trưởng 12% cho năm 2026, đồng thời đặt mục tiêu cổ tức trên 25%. Bên cạnh đó, TCL đang triển khai kho hàng 19.950 m², dự kiến hoàn thành quý III/2026, có thể hỗ trợ công suất và doanh thu dịch vụ về sau. Tuy nhiên lợi nhuận của doanh nghiệp đang phụ thuộc vào hiệu quả khai thác và chi phí đầu vào.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Để được hỗ trợ tư vấn và nhận các thông tin khuyến nghị, báo cáo thường xuyên, kịp thời, tải ABS Invest ngay tại

Trải nghiệm ngay ứng dụng ABS invest

Trải nghiệm ngay bảng giá ABS Web Trading

Khối Phân tích và Đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 35624626 Số máy lẻ: 135

www.abs.vn

Thank you!

ABS
TRỌN VẸN TRẢI NGHIỆM ĐẦU TƯ
Tự hào
NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG
INTERNATIONAL FINANCE
BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024
ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM
EUROMONEY
SECURITIES HOUSES
AWARDS 2024
BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ
Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây